

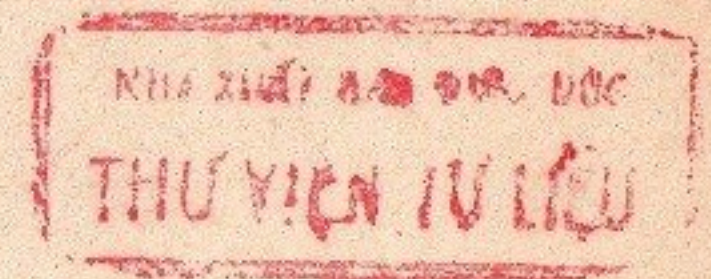
VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tiếng Việt 1

TẬP MỘT
(Chữ cái và Văn)

(In lần thứ hai)

6V/G90



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1990



CÁC KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

-  Em đọc và viết
-  Em đọc
-  Em viết
-  Luyện tập ở lớp và ở nhà

Phần
CHỮ CÁI và ÂM

thuongmaitruongxua.vn

Tổ chức biên soạn :
VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
BỘ GIÁO DỤC

Biên tập :
PHẠM BÍCH HỢP

Trình bày bìa và vẽ minh họa :
HỒNG KỶ - PHẠM NGỌC TỚI

Biên tập mỹ thuật :
TÀO THANH HUYỀN

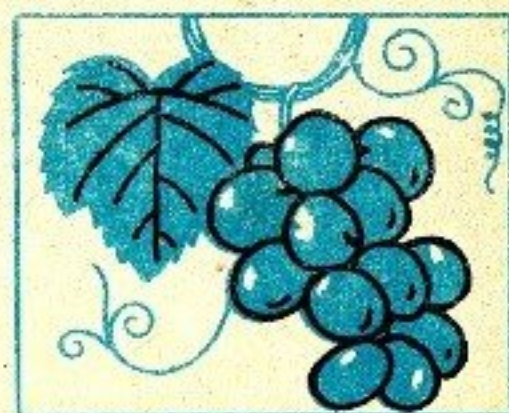
Trình bày và biên tập kĩ thuật :
BÙI CHÍ HIẾU

Sửa bản in :
HẢI ĐĂNG

Bài 1

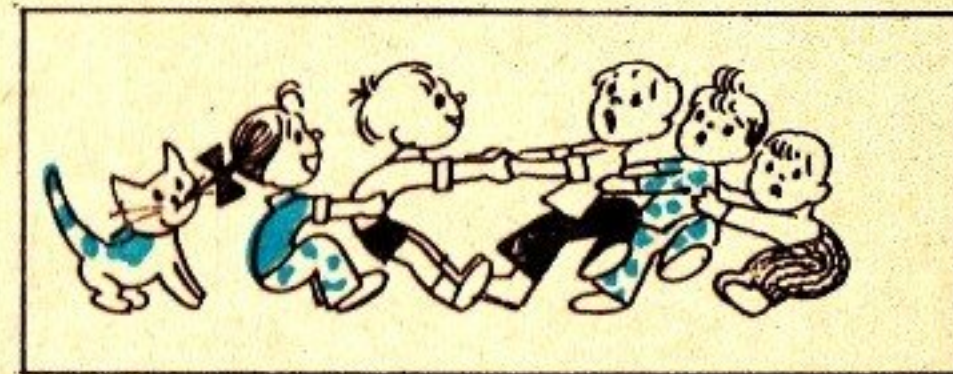


ò ó ô ... !



Bài 2

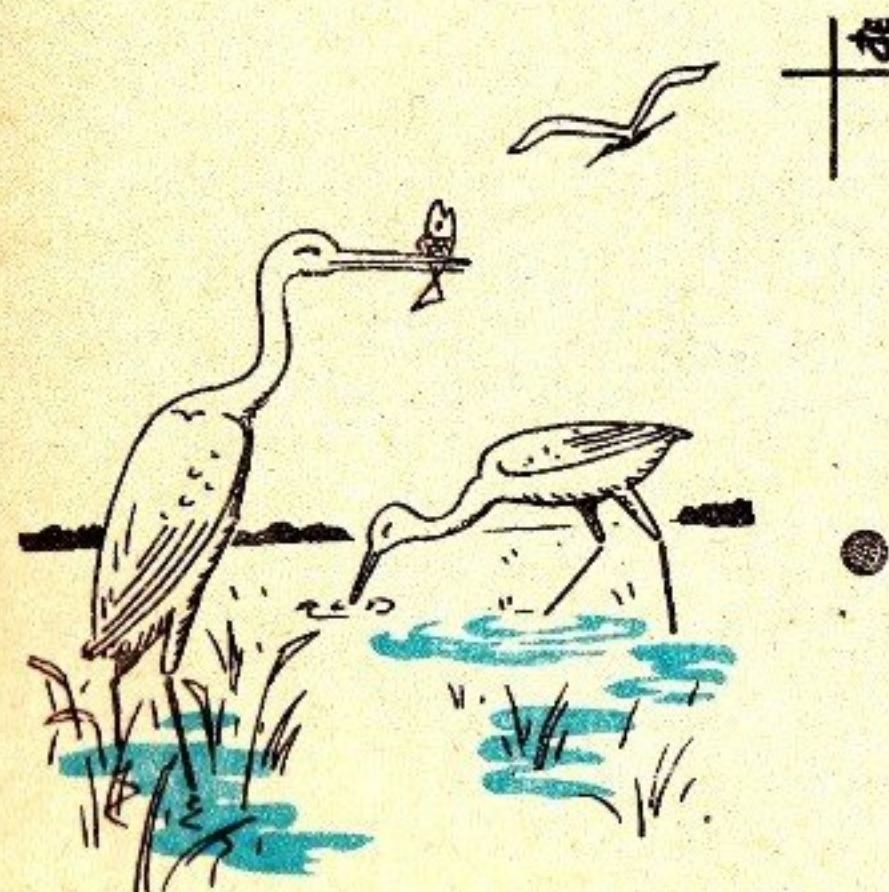
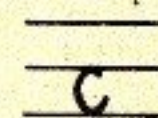
c



kéo c ô

c ô

c



cô

Bài 3

a

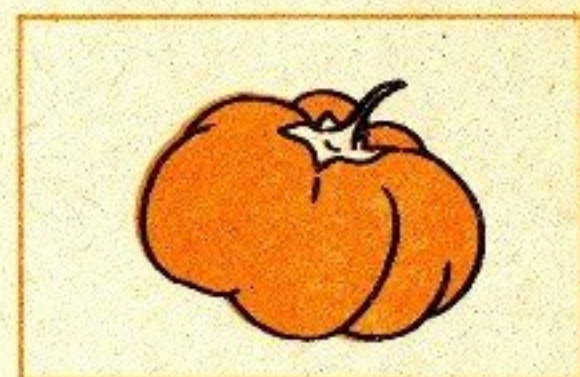


cái **Ca**

Ca

a

—
—
a



—
—
ca

Bài 4

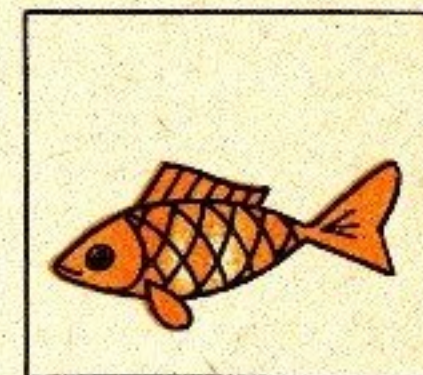
Dầu huyền – Dầu sắc



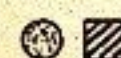
ca



cà



cá



—
—
có cà

—
—
có cá

Bài 5

d

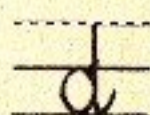


cặp

da

da

d



da, dò



do, dò, dó

đa, dò, đá

đ



cây

đa

đa

đ



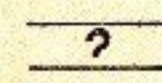
thuongmaitruongxua.vn

Bài 6

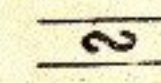
Dấu hỏi – Dấu ngã – Dấu nặng



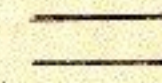
cỏ



ngã



cọ



đo



cỏ, cỏ, cọ

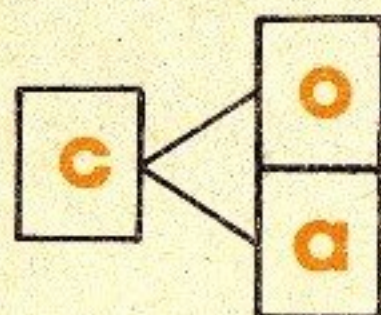
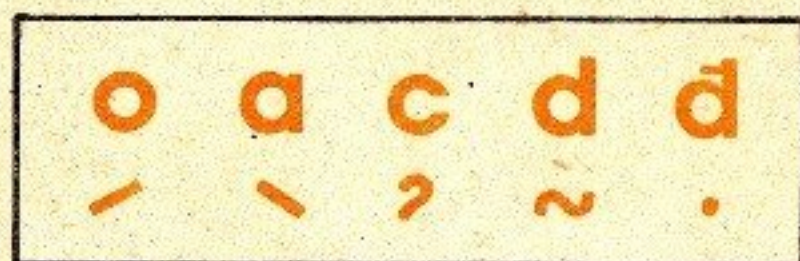


do, dò, dó, đỏ, đồ, độ

do đỏ, dạ

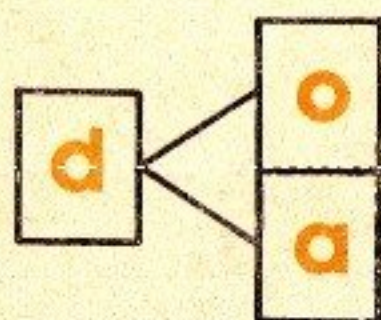
Bài 7

Ôn tập



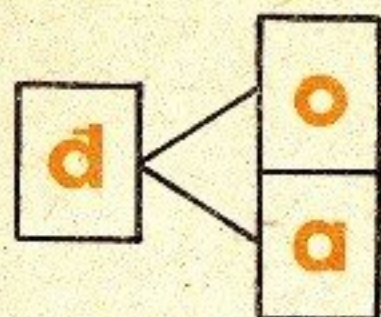
co, có, cò... -

ca, cà, cả...



do, dó, dò...

da, dạ...



đo, đó, đồ...

đá, đá...

cỏ, cò

da, đã

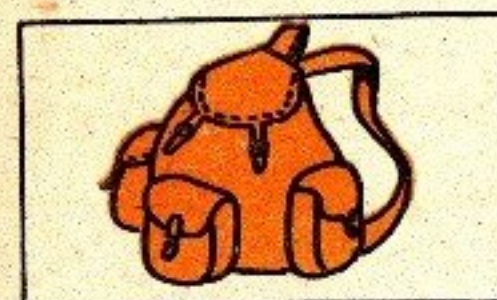
Bài 8



cái ô

ô
ô
ô

ô



cô, cò



cỏ, có, đồ, dờ, đồ

đờ dờ, cá cò

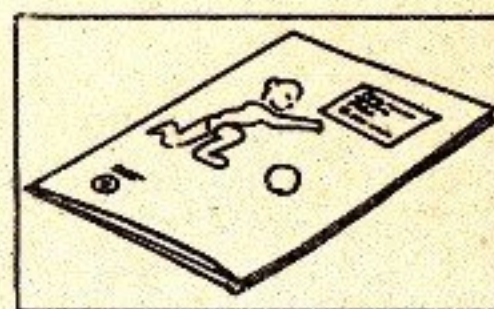
ơ



lá cờ

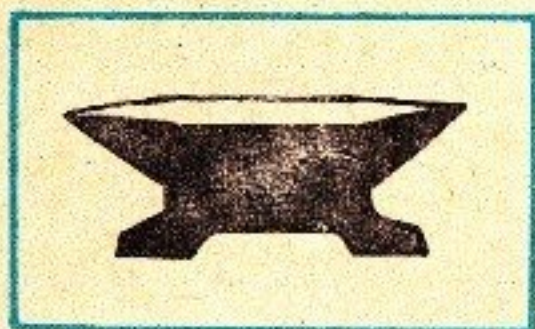
cờ
cờ
ơ

ơ



Bài 9

e



cái **đ**e

đe

e

e

ê



con **đ**ê

đê

ê

ê



đe, đế



de, de, dê, dê

e dè, dê dẽ

Bài 10

i



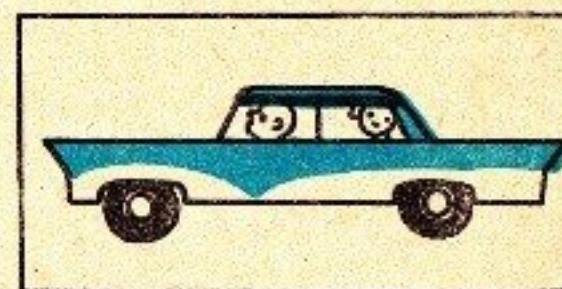
đi **đ**ò

đi

i

i

t

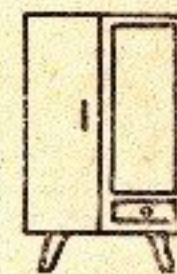


ô **t**ô

tô

t

t



tí đi ô tô



đi, đi, ta, tô, tạ, tê, ti

tí ti, cá to, tổ dẽ

Bài 11

Ôn tập

ô ơ e ê i t

t	a ô ơ e ê i	ta to te tô tê tơ ti
d	a ô ơ e ê i	da do de dô dê dơ di
đ	a ô ơ e ê i	đa đo đe đô đê đơ đi

đi đi dò

Bài ôn : Học sinh giỏi có thể ghép thêm dấu thanh.
Các bài ôn sau cũng vậy.

Bài 12

n

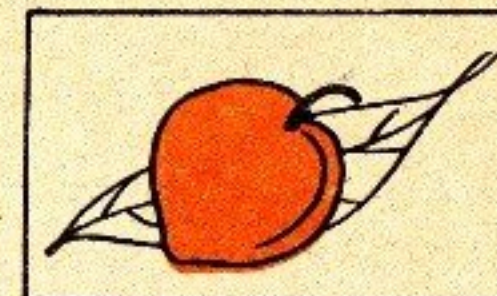


ca nô
nô
n

—
—
n



m



quả mơ
mơ
m

—
—
m



tí đi ô tô, má đi ca nô

ca nô, mơ

no, nô, nơ me, mê, mi
na ná, nơ đỏ, tò mò

KHÁNH THỊ A. B. C. D. E. F. G. H. I. J. K. L. M. N. O. P. Q. R. S. T. U. V. W. X. Y. Z. 6N/490
THƯ VIỆN TƯ LỊCH

Bài 13



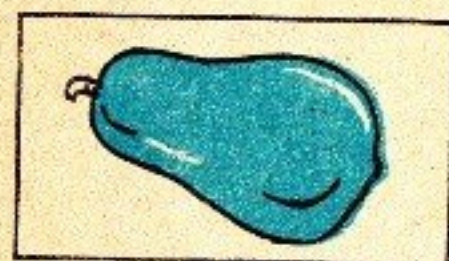
u

cái đu

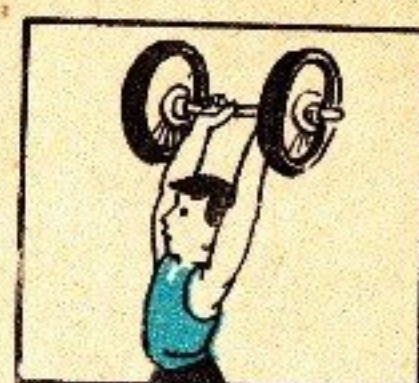
đu

u

u



đu đủ



ư

củ tạ

củ

ư

ư



củ từ

má có củ từ

củ từ



cù, cừ, dù, tư, nự, mự
từ từ, tù mù

Bài 14

y



cô y tá

y

y

y

y	i
y	tỉ
y	tỉ
tê	tê
tá	mỉ



tổ y tế có cô y tá



y tá, tỉ mỉ



y tế, y tá

tỉ tê, tỉ mỉ

Bài 15

l



cái lọ

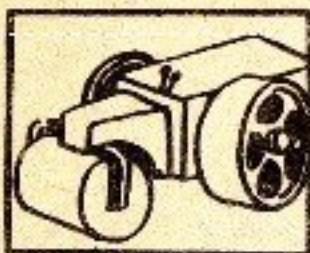
lọ

l

l



lá



xe lư



tí có lá cờ đỏ



lọ, lá



la, lo, lô, lơ, le, lê, li, lu, lư
lơ là, lí lẽ, lá đa, lọ mớ

Bài 16

b

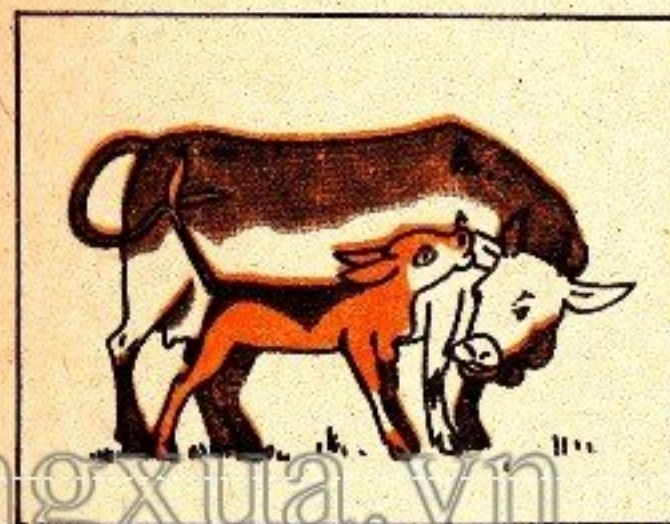


ba ba

ba

b

b



bò, bê



bà bẻ bé
bé bá cổ bà.



ba ba



ba, bo, bô, be, bê, bi, bu, bur
bé bi bô, ba bó lá

Bài 17

Ôn tập

u u y n m l b

n	a o ô ơ e ê i u ư	na... ne...
m	a o ô ơ e ê i u ư	ma... me...
l	a o ô ơ e ê i u ư	la... le...
b	a o ô ơ e ê i u ư	ba... be...
y	y tê, y tá, y bạ	

n m l b y
bé có bi

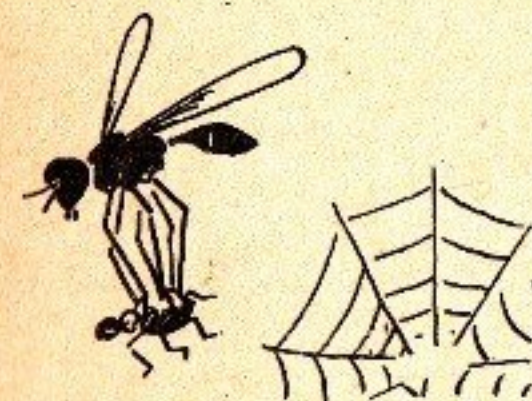
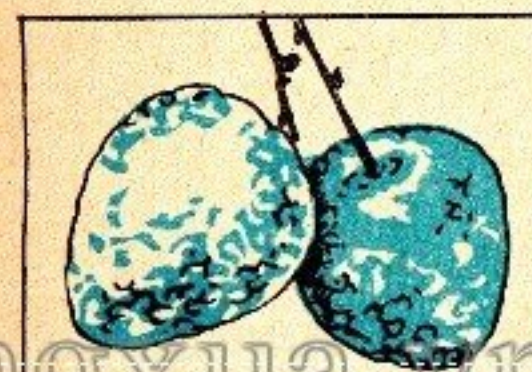
Bài 18

v



tò vò
vò
v

ư



ong vò vễ

ve vễ vè ve

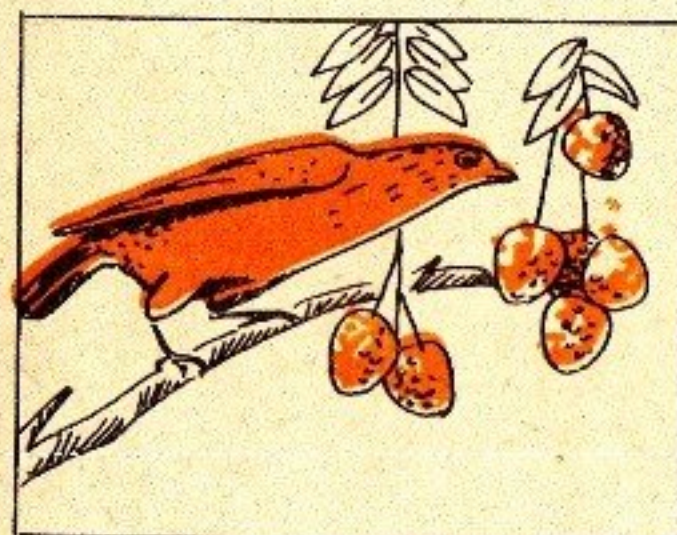
tò vò

va, vo, vô, vơ, ve, vễ, vi, vu, vư
vỗ vễ, vi vu, va li, ti vi

h



con hổ
hổ
h



tu hú

hè về có tu hú

hổ

ha, ho, hô, hơ, he, hê, hi, hu, hơ
hả hê, lá hẹ, hè về, hò dô ta

k



bó kê
kê
k

kh



quả khê
khê
kh



kẻ vờ

con khỉ



cá kho khê lê ki ma

kê, khê

ke, kê, ki
kha khá, khe khê, kì cọ, cá khô

Bài 21

r

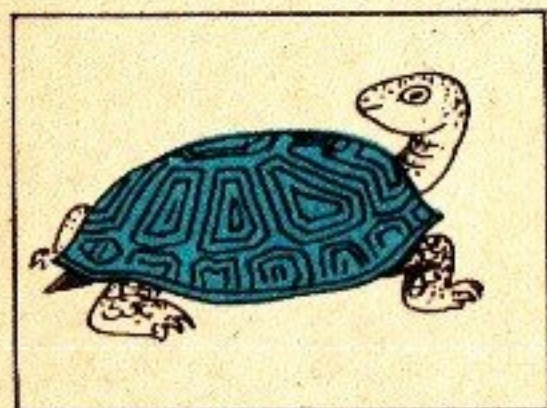


cá rô

rô

r

ư



ra-di-ô

• rỏ cá, rỏ khê

■ cá rỏ



ra, ro, rô, rỏ, re, rê, ri, ru
ve ra rỏ, rỏ rê

Bài 22

Ôn tập

v r h k kh



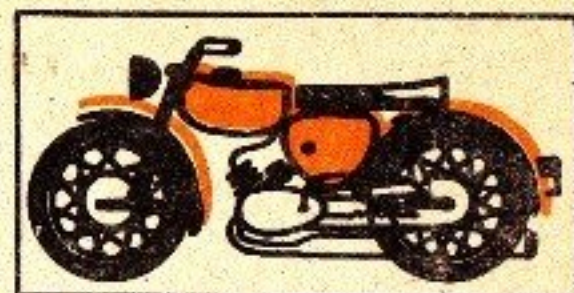
v	a o ô ơ e ê i u ư	va... ve...
r	a o ô ơ e ê i u ư	ra... re...
h	a o ô ơ e ê i u ư	ha... he...
k	e ê i	ke kê ki
kh	a o ô ơ e ê i u ư	kha... khe...



v r h k kh
vo ve, rỏ rỏ, khe khê

Bài 23

X

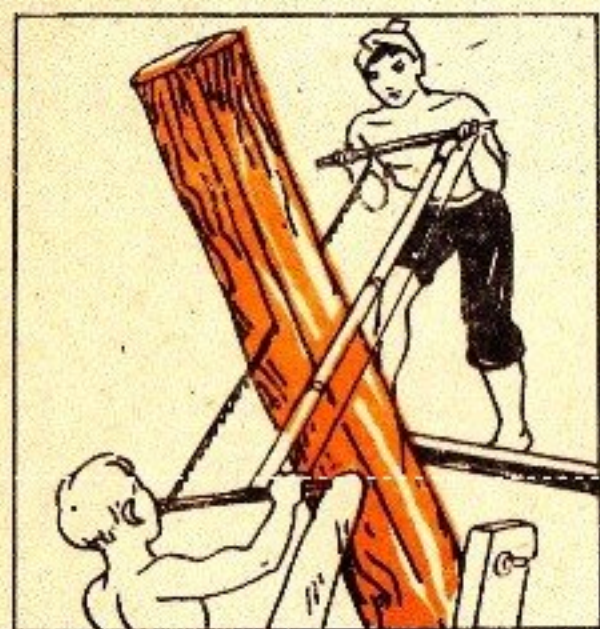


xe mô tô

xe

x

xe



xe gỗ



má đi xa về

xe



xa, xo, xô, xơ, xe, xê, xì, xu
xù xì, lò xo, xe bò

Bài 24

S



chim sẻ

sẻ

s

sẻ



su su



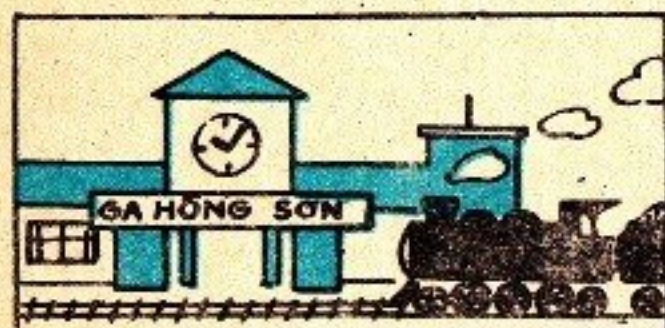
mẹ bé là ca sĩ

sẻ



sa, so, sô, sơ, se, sê, si, su, sur
se sẻ, lá sả, đồ sứ, xô số

g



nhà ga

ga

g

g

gh



ghế gỗ

ghế

gh

gh



bà kể để đi ghi

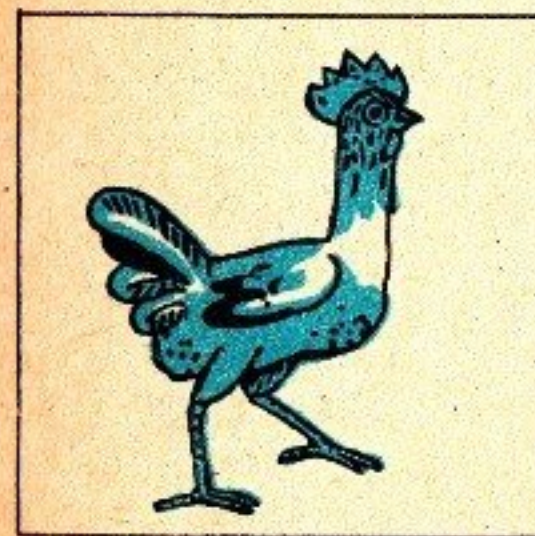


ga, ghế



ga, go, gô, gơ, ghe, ghê, ghi, gu, gư
gồ ghề, gà gô, gồ mồ

gi



gà giò



cái giò

giò

gi

gi



đi già gì đó ?
đi già giò



giò cá



gia, gio, giô, giơ, gie, giê, gi, giu, giư
bà già, giò to

x s g gh gi



x	a o ô ơ e ê i u ư	xa... xe...
s	a o ô ơ e ê i u ư	sa... se...
g	a o ô ơ u ư	ga...
gh	e ê i	ghe ghê ghi
gi	a o ô ơ e ê i u ư	gia... gie...

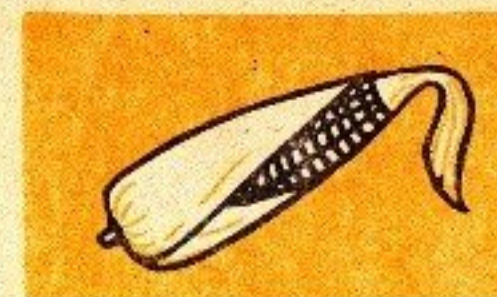


x s g gh gi
dì ghi gì đó ?



Ghép thêm dấu thanh để tạo tiếng mới ở nhà.

ng

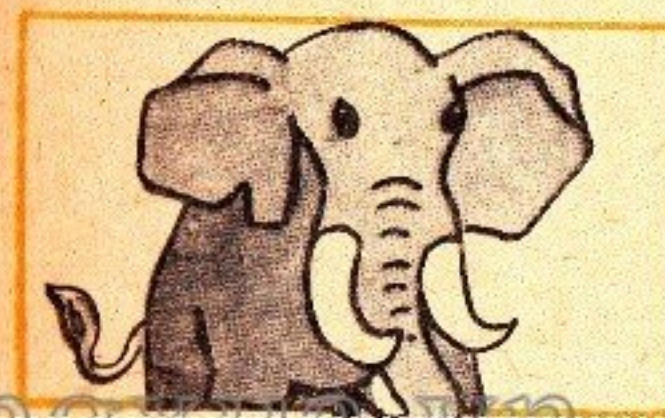


bắp **ngô**

ngô

ng

ng



ngà voi



mẹ bẻ bé ngủ



ngô



nga, ngo, ngô, ngơ, ngu, ngư

ngồ ngộ, bé ngã, cá ngư

ng



con **nghe**
nghe
ng

ng



ng nghỉ ngơi

- bé kể bà nghe,
nghỉ hè bố và bé đi ra bờ bể.



nghe



nghe, nghe, nghỉ
ngô nghe, nghỉ kĩ, củ nghe

nh



nh nhà nghỉ
nh
nh

nh



to, **nh**ỏ



- khi đi nhớ đi nhẹ nhẹ.



nhà



nhà, nhò, nhô, nhơ,
nhè, nhê, nhi, nhu, như
nhu nhú, lí nhí, nhỏ bé, nhớ nhà

Bài 31

th

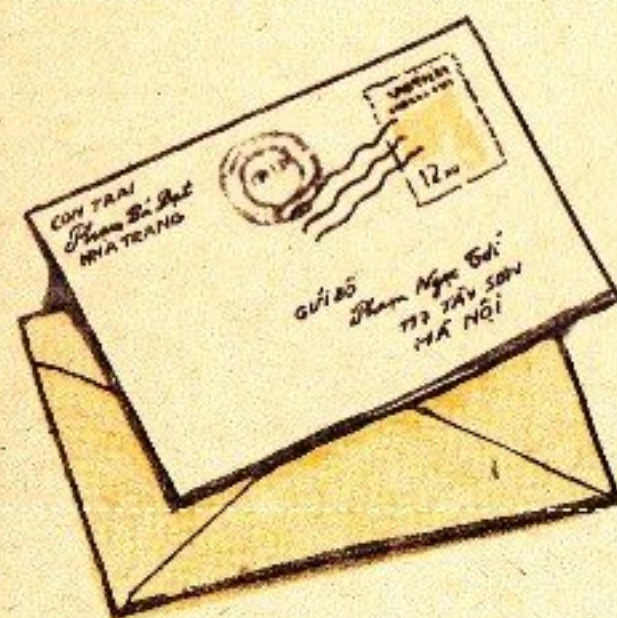


con thỏ

thỏ

th

th



bì thư



lá thư - thì giờ - thơ ca



thỏ



tha, thô, thơ, the, thê, thi, thu, thư
thủ thi, lơ thơ, xe thô, cá thu

Bài 32

Ôn tập

ng ngh nh th



ng	a o ô ơ u ư	nga...
ngh	e ê i	nghe nghe nghi
nh	a o ô ơ e ê i u ư	nha... nhe...
th	a o ô ơ e ê i u ư	tha... the...



ng ngh nh th
nghỉ hè, nhà thờ



bé thủ thi kể bà nghe,
nhà bé có đủ thứ.

ch



chó xù

chó

ch

ch



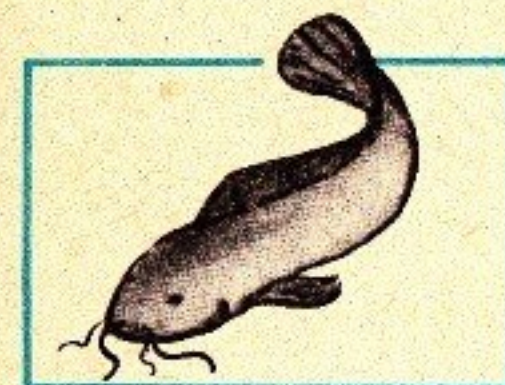
đi chợ

● bé ở nhà chờ mẹ đi chợ về.

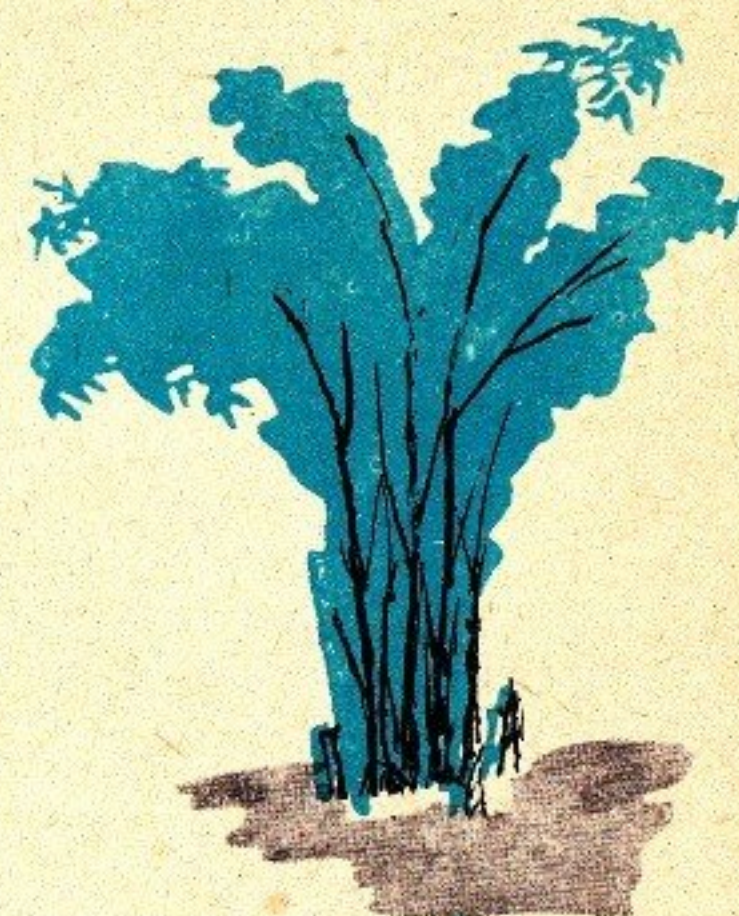
■ chó xù

🏠 cha, cho, chô, chợ,
che, chê, chi, chu, chư
chỗ ở, chú như cha

tr



cá trê



bụi trê
trê
tr

tr

● bé đi nhà trê,
chờ đi trê giờ.

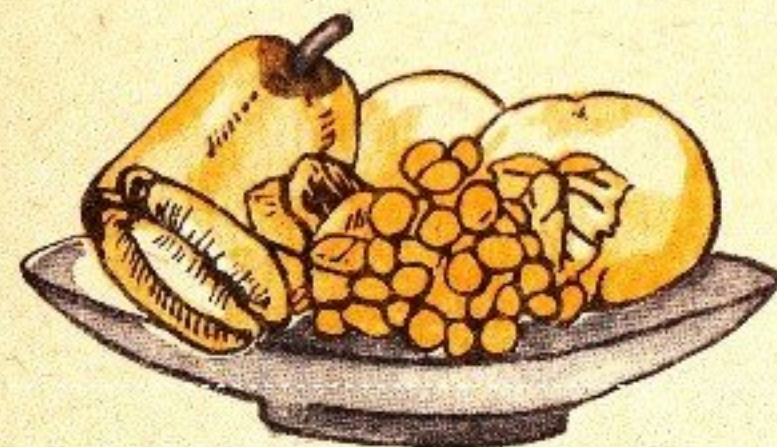
■ trê

🏠 tra, tro, trô, trơ, tre, trê, tri, tru, trư
trở về, lá tre, che chở, cha mẹ, tra ngô

q
qu



quả thị
quả
qu



- bà và dì cho bé về quê.
quê nhà có đủ thứ quả:
khê, đu đủ, nho, lê.



quả

- qua, quà, quá, quả... que, quê, quy
đi qua, đi quá, quà quê

p



pí pa pí pô
pí
p

ph



phố xá
phố
ph



- bà cho bé đi ra phố.
phố xá có đủ thứ xe cộ.



pí pô, phố

- pha, pho, phô, phơ, phe, phê, phi, phu
sa-pa, cà phê, phở, phỉ phò

ch tr qu p ph

ch	a o ô ơ e ê i u ư	cha... che...
tr	a o ô ơ e ê i u ư	tra... tre...
qu	a ơ e ê i y	qua quơ que...
p	a o ô ơ e ê i u ư	pa... pe...
ph	a o ô ơ e ê i u ư	pha... phe...

ch tr qu p ph
chỉ trở, quê cha

a o ô ơ
e ê i y u ư

a – a : ra rả, khả khả
o – o : lò dò, đo đo
ô – ô : bô bô, lồ lồ
ơ – ơ : lơ lơ, lơ lơ
e – e : lè tè, se sẽ
ê – ê : lè mê, khệ nệ
i – i : lí nhí, tí tì tì tì
u – u : lù mù, lự lự
ư – ư : lừ đừ, khư khư
o – e : vo ve, thỏ thỏ
ô – ê : gồ ghề, vồ vồ
u – i : xù xì, rủ rủ rủ rủ

Bài 39

Ôn tập

b	c	d	đ	g	h	k	l	m	n
p	q	r	s	t	v	x			

	a	o	ô	ơ	e	ê	i	u	ư
b	ba	?	?	?	?	?	?	?	?
c	ca	?	?	?				?	?
k					ke	?	?		
d	da	?	?	?	?	?	?	?	?

– Tập thay đổi thanh để tạo thành tiếng mới (theo mẫu)

	ˋ	ˊ	ˆ	˜	˙
ba	bà	bá	bả	bã	bạ
ca	cà	?	?	?	?
ke	?	?	?	?	?

Bài 40

Ôn tập

ch	th	nh	kh	gh	
ng	ngh	tr	gi	ph	qu

	a	o	ô	ơ	e	ê	i	u	ư
ch	cha	?	?	?	?	?	?	?	?
gh					ghe	?	?		
ng	nga	?	?	?				?	?
ng					nghe	?	?		

– Tập thay đổi thanh để tạo thành tiếng mới (theo mẫu)

	ˋ	ˊ	ˆ	˜	˙
cha	chà	chá	chả	chã	chạ
ghe	ghè	?	?	?	?

– Luật chính tả cần nhớ kĩ :

k chỉ ghép với **e ê i**

gh chỉ ghép với **e ê i**

ng chỉ ghép với **e ê i**

Chữ in thường				Chữ in hoa			
a	ă	â	b	A	Ă	Â	B
c	d	đ	e	C	D	Đ	E
ê	g	h	i	Ê	G	H	I
k	l	m	n	K	L	M	N
o	ô	ơ	p	O	Ô	Ơ	P
q	r	s	t	Q	R	S	T
u	ư	v	x	U	Ư	V	X
y				Y			

an



nhà sàn
sàn
an

- an lan can
đàn ngan*
bàn ghế

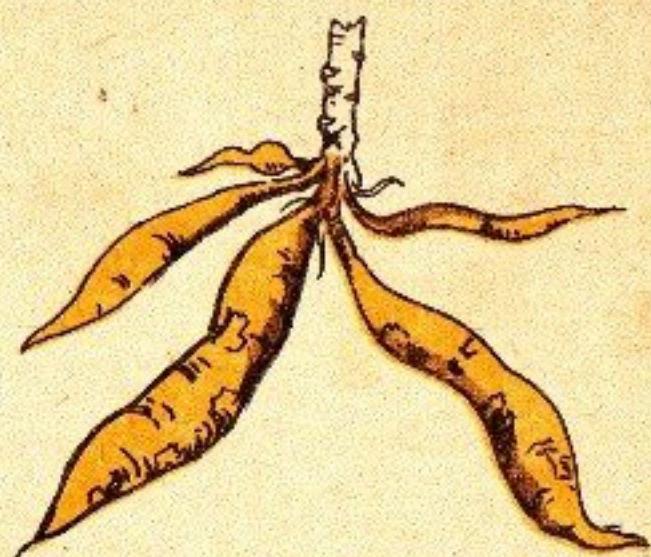


an sàn

* ngan: ở phía Nam gọi là vịt xiêm.

Bài 43

ă
ăn



củ sắn
sắn
ăn

thuongmaitruongxua.vn

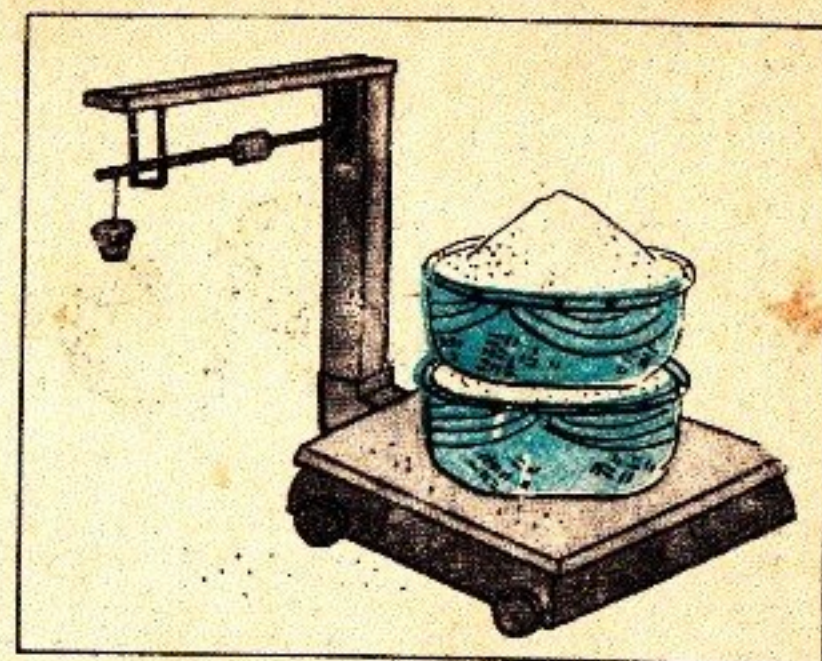
- ăn khăn rằn
thần lãn
chăn dạ



ă ăn, sắn

Bài 44

â
ân



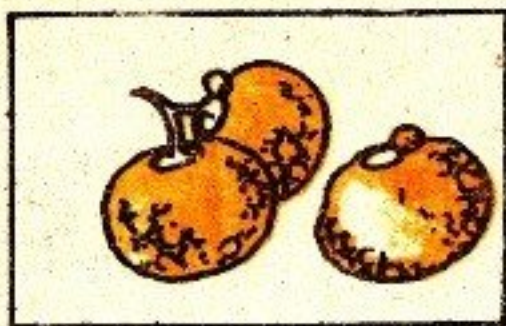
cân bàn
cân
ân

- ân cần cù
quả mận
cẩn thận



â ân, cân

on



quả bồ h**on**
h**on**
on

ôn

con ch**ôn**
ch**ôn**
ôn



ơn



cả th**ơn** b**ơn**
b**ơn**
ơn

on con r**ăn**
ng**on** cỏ

ôn

ôn t**ôn**
v**ôn** v**ă**

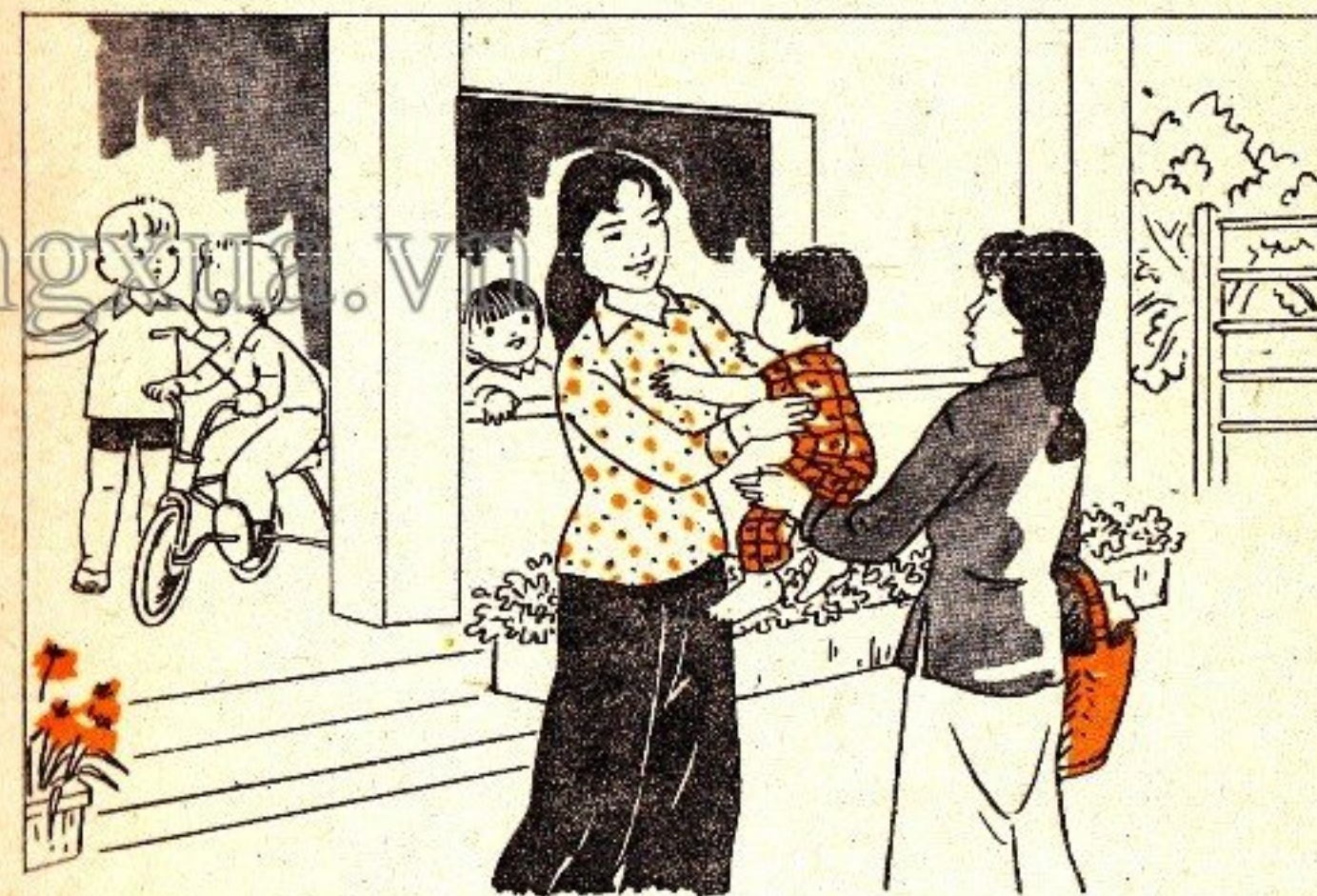
ơn

con l**ơn**
s**ơn** đỏ

on h**on**

ôn ch**ôn**

on th**ơn** b**ơn**



Mẹ bế bé đi nhà trẻ.
Cô ân cần đ**ón** bé. Cô h**ôn** bé.

en



dế mèn
mèn
en

ên



con nhện
nhện
ên

en

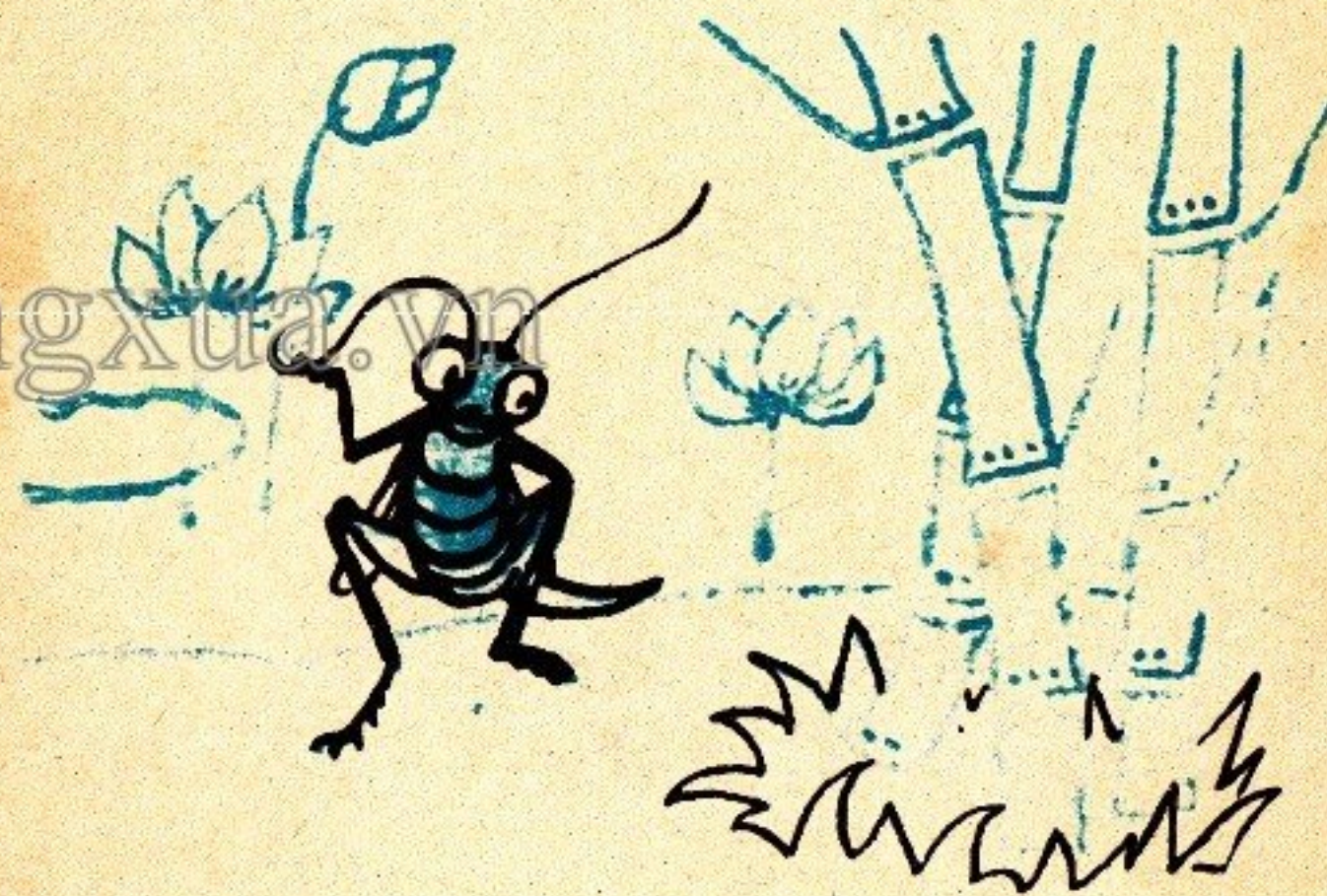
mũ len
đèn pha

ên

con sên
bên phà

en mèn

ên nhện



nhà chú dế mèn ở bên bờ tre.

in



số chín
chín
in

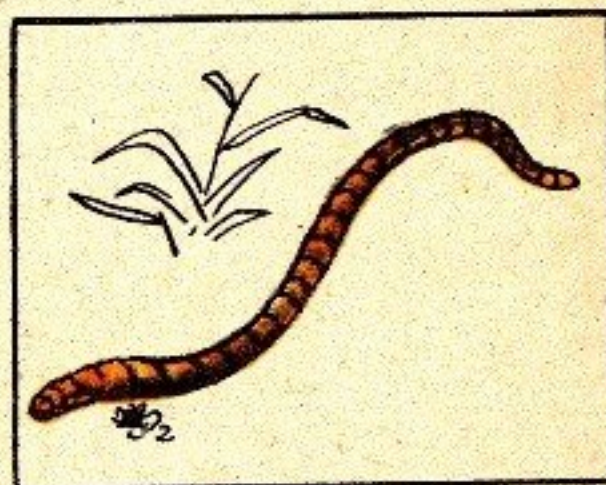
in

chữ in
da mịn

un

bùn bò
gỗ mun

un

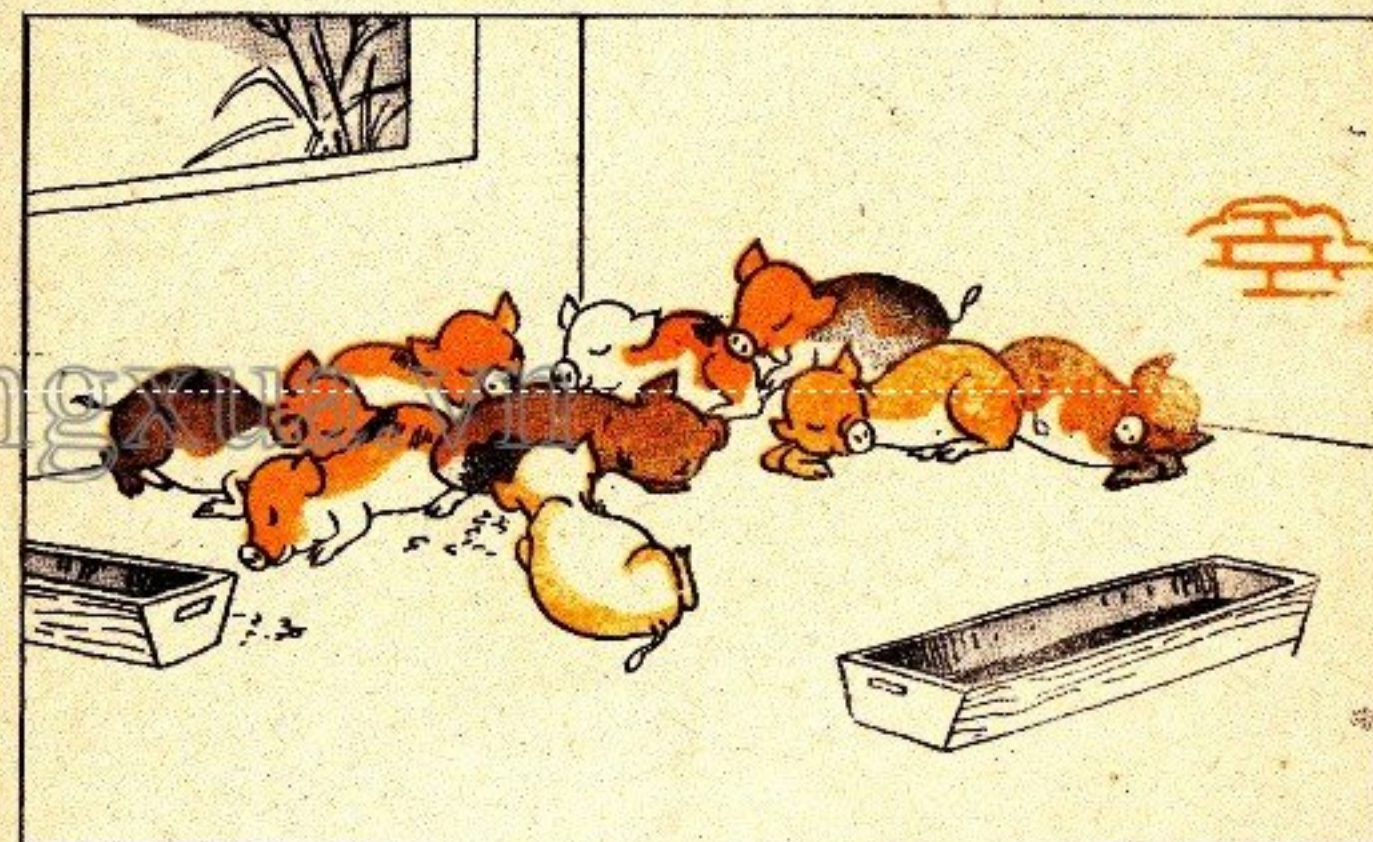


con giun
giun
un

thuongmaitruongxuat

in chín

un giun



"Un à un in!"

Chín chú lợn con
Ăn đã no tròn
Cả đàn đi ngủ.

Bài 48

Ôn những vần đã học có **n** ở cuối

Vần			Tiếng, từ
1. an	a	n	nhà sà n
2. ăn	ă		củ sắ n
3. ăn	â		quả câ n
4. on	o	n	cỏ non n
5. ôn	ô		con chôn n
6. ơn	ơ		đàn lợ n
7. en	e	n	mũ l en
8. ên	ê		ngọn n ên
9. in	i	n	bản t in
10. un	u		con gi un



an ăn ân, on ôn ơn

en ên, in un



Lan cho ng**an** ăn gi**un**, bà kh**en** Lan.

am



quả cam
cam
am

thuongmaitruongxua.vn



am

quả trám
thảm cỏ
xe lam

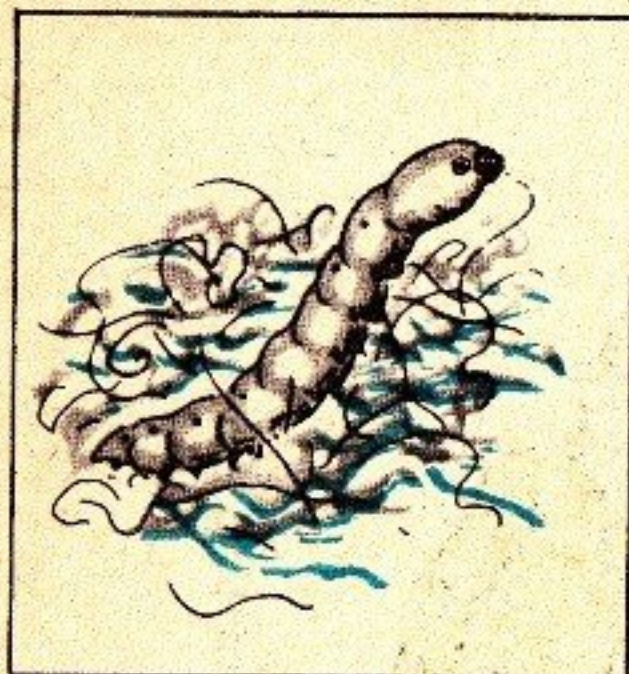


am cam



Bé lon ton ra ngõ đón bà.
Bà cho bé quả cam.

ă



con rắn
rắn
ă

â



cô Tấm
Tấm
â

ă

đỏ thắm
chăm làm

â

mâm non
lâm tâm

ă

tăm

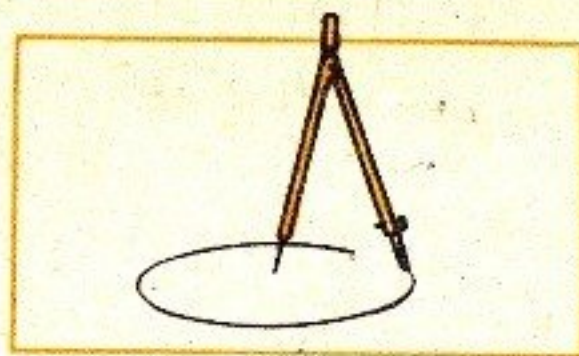
â

tâm



Bé cho đàn gà con ăn tấm.
Bố khen bé chăm làm.

om



com pa
com
om

ôm

quả chôm chôm
chôm
ôm



ơ



bó ơ
ơ
ơ



om đom đóm
lom khom

ôm

âm nhôm
con tôm

ơ

nằm cơ
bơ xe



om com pa

ôm chôm chôm

ơ ơ



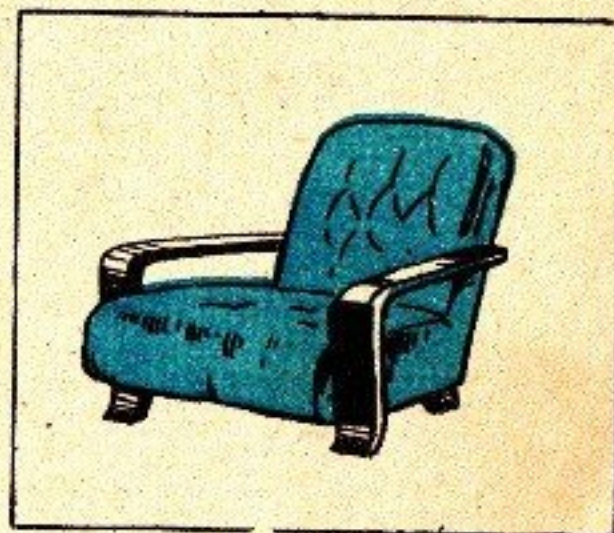
Thôn xóm đã lên đèn.
Cơm chín thơm làn gió.

em



que **kem**
kem
em

êm



ghê **đem**
đem
êm

em

ngõ. **hêm**
tem thư

êm

êm **dêm**
thêm nhà



em kem

êm đem



Đêm **dêm** bên ngọn đèn,
chị và **em** đan len.

im



tổ chim
chim
im

um



tôm hùm
hùm
um

im

con nhím
bé tìm kim cho bà

um

chùm nhãn
mũm mĩm

im chim

um hùm



Hè về trên quê em,
Quả sim chín tím tím
Lá chen lá um tùm.

Bài 54

Ôn những vần đã học có **m** ở cuối

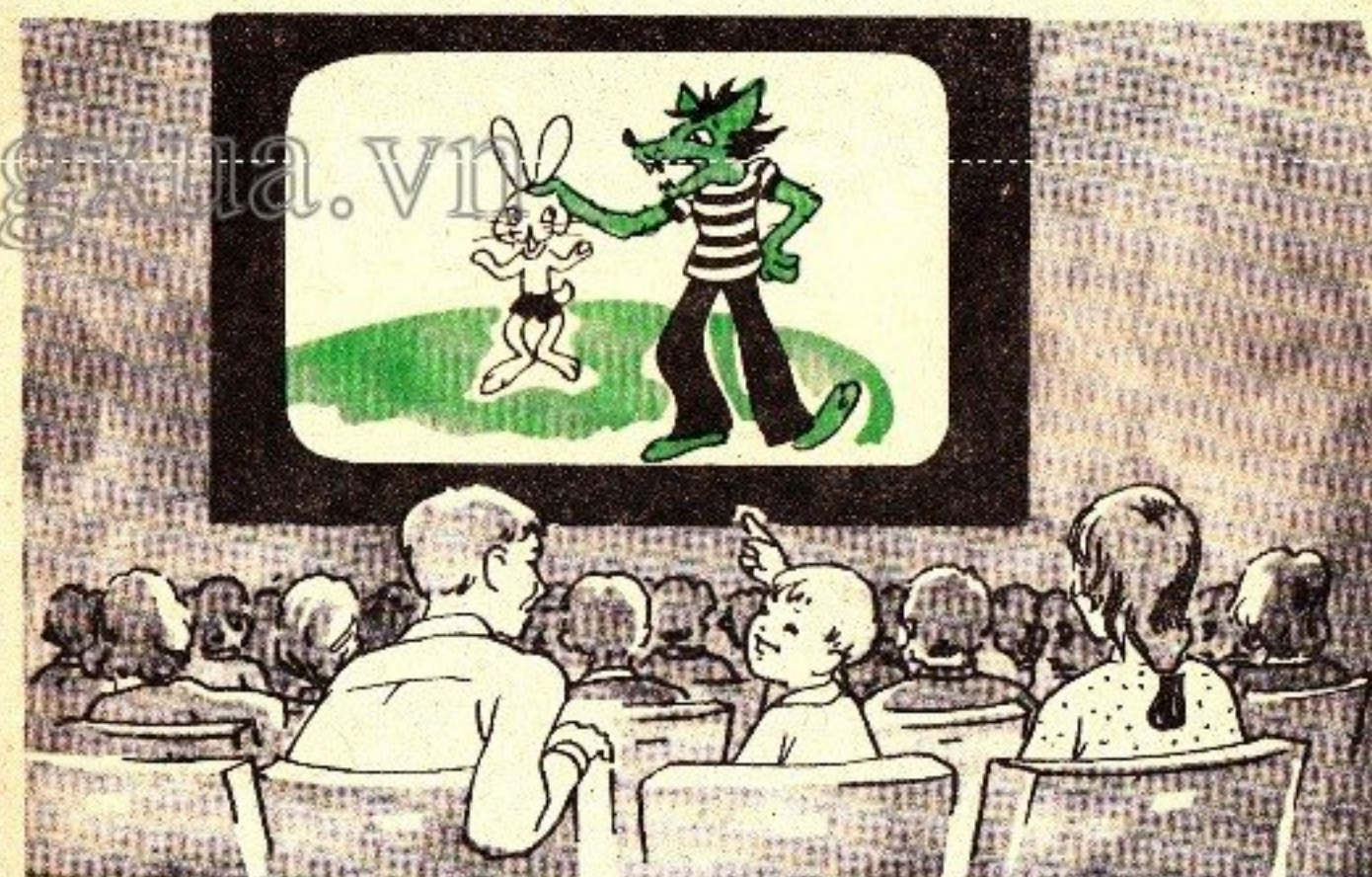
Vần			Tiếng, từ
1. am	a	m	quả cà m
2. ăm	ă		con tằ m
3. âm	â		m ầ m non
4. om	o	m	đ o m đ o m
5. ôm	ô		con t ô m
6. ơ	ơ		ổ r ơ m
7. em	e	m	que k e m
8. êm	ê		ghê đ ê m
9. im	i	m	tổ chim
10. um	u		um t u m



am ăm âm

om ôm ơ

em êm im um



Bé **ch**ăm làm.

Hôm qua, bố cho bé đi xem phim.

ai



chùm v^{ai}
v^{ai}
ai

thuongmaitruongxua.vn

ai xóm ch^{ai}
c^{ai} kìm
cô l^{ai} đồ



ai v^{ai}



N^{ai} mẹ và n^{ai} con
Cả đàn đi ăn sớm.

ay



máy bay
bay
ay

ây



ghế mây
mây
ây

ay

bàn tay
cái cày

ây

tờ giấy
nhảy dây



ay bay

ây mây

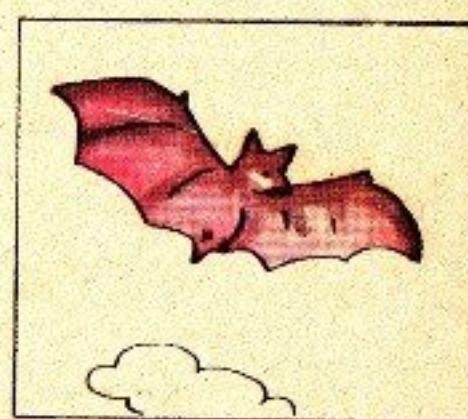
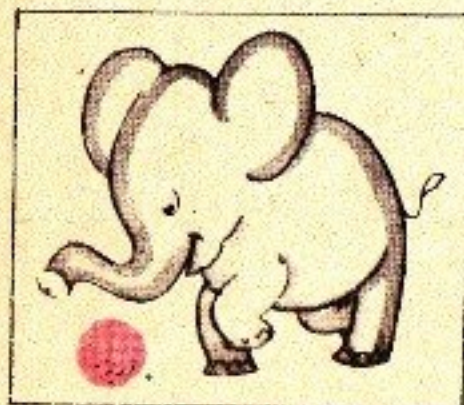


Đu quay, đu quay
Em đi máy bay!
Bè bạn xum vầy,
Hay hay hay hay!

oi

ôi

ơ



con voi
voi
oi

cái nôi
nôi
ôi

con dơi
dơi
ơ

thuongmaitruongxua.vn



oi

cái còi
nói lời hay

ôi

bộ đội
Hà Nội

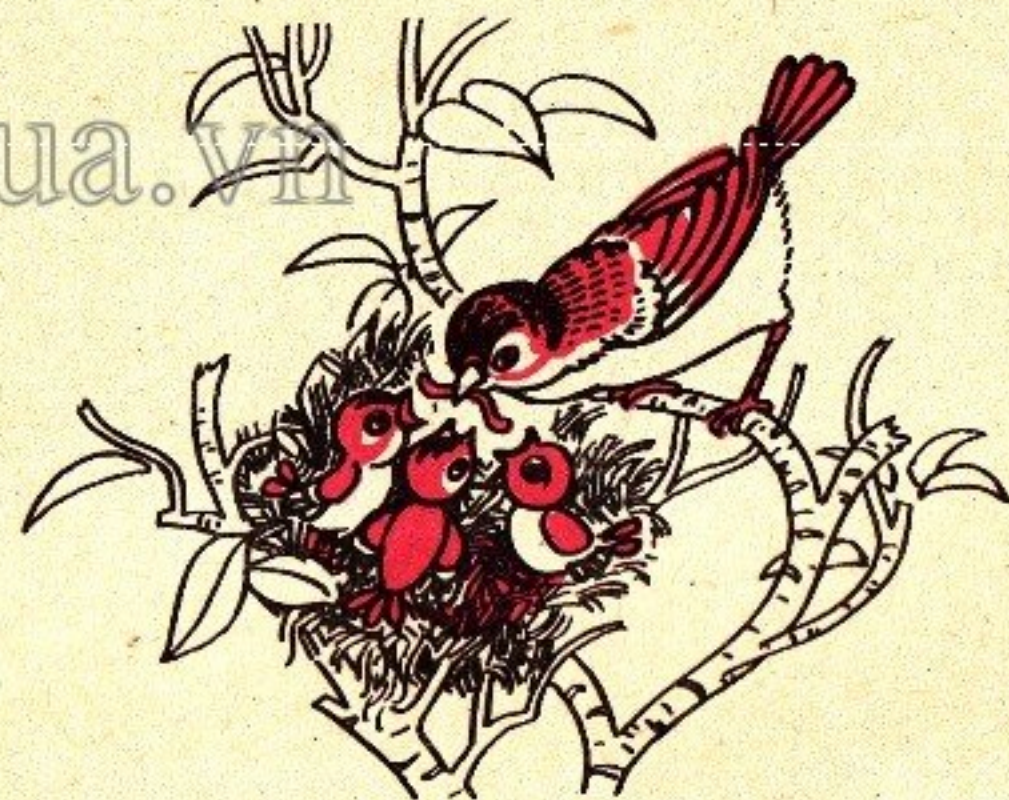
ơ

ngủ ngơi
đi chơi



oi voi

ôi nôi, ơ dơi



Chim non mới nở,
chim mẹ mớm mồi

ui



cái túi
túi
ui

ưi



gửi thư
gửi
ưi

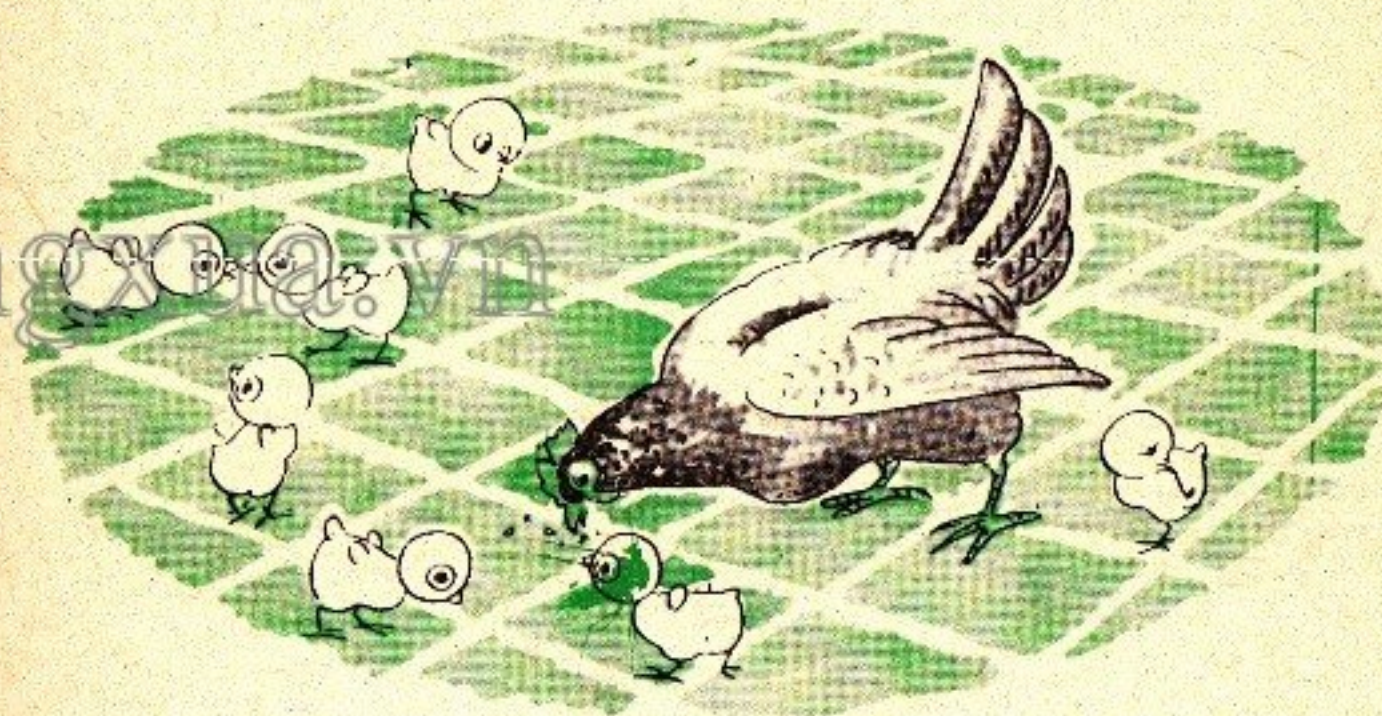
ui đồi núi
vui chơi

ưi cây tầm gửi
tai nghe mũi ngửi



ui túi

ưi gửi



Con gà mái mẹ
Cặm cũi tìm mồi
Để đàn con nhỏ
Nhớ nhớ vui chơi

Bài 59

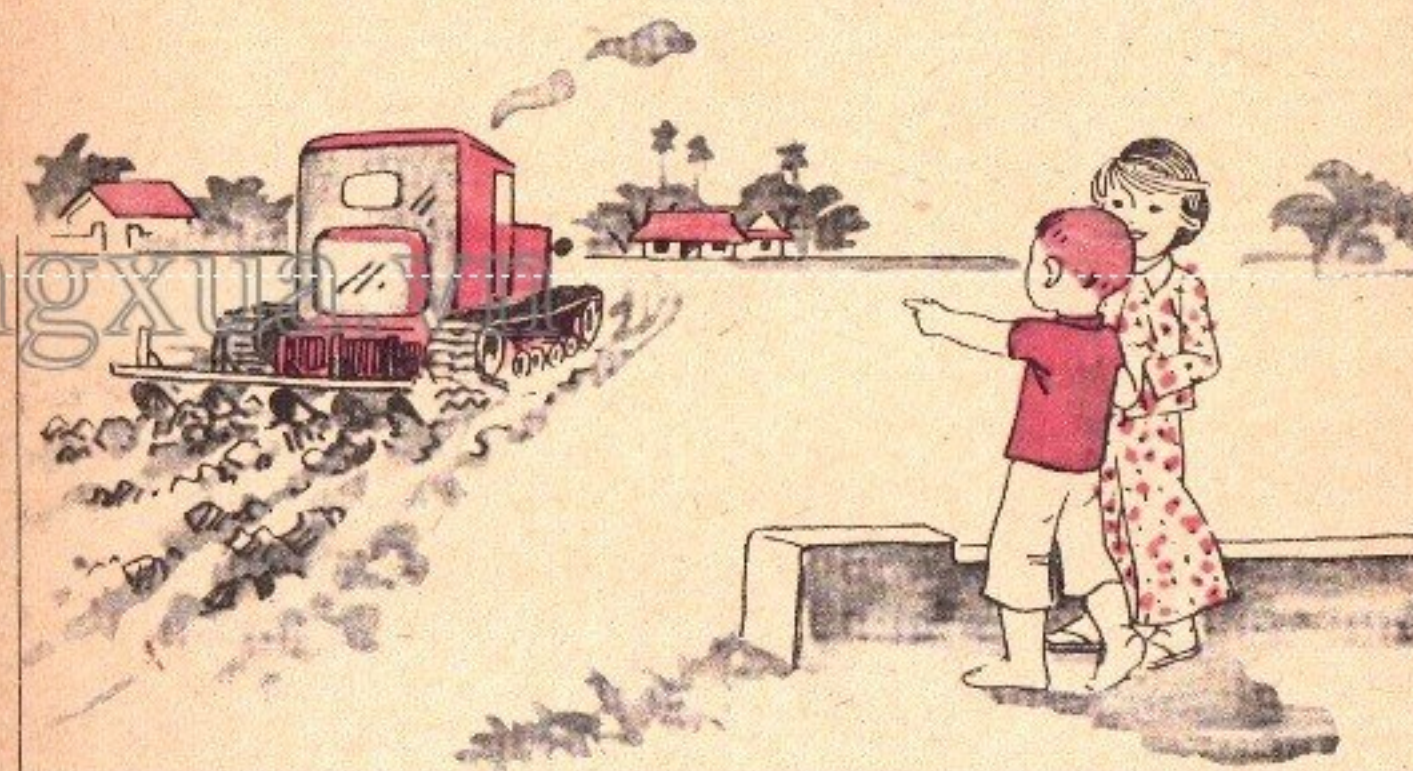
Ôn những vần đã học có **i, y** ở cuối

Vần			Tiếng, từ
1.	ai	a — i	xóm chài
2.	ay	a > y	máy cày
3.	ây	â > y	thợ xây
4.	oi	o — i	con voi
5.	ôi	ô — i	cái nôi
6.	ơ	ơ — i	con dơi
7.	ui	u > y	cái túi
8.	uri	ư > y	cây tầm gửi



ai ay ây

oi ôi ơ, ui ưi



Thôn em đổi mới
Đã có máy cày
Rồi ngày mai đây
Em ngồi cầm lái.

au



quả **cau**
cau
au

âu



bồ **câu**
câu
âu

au

rau cải
chậu **thau**

âu

con **gấu**
đàn **bầu**

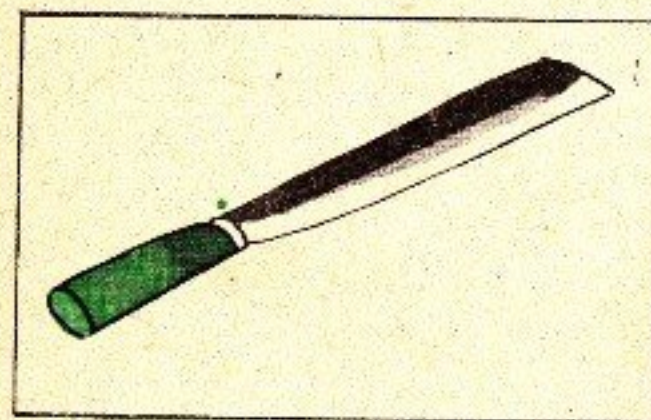
au cau

âu bồ câu



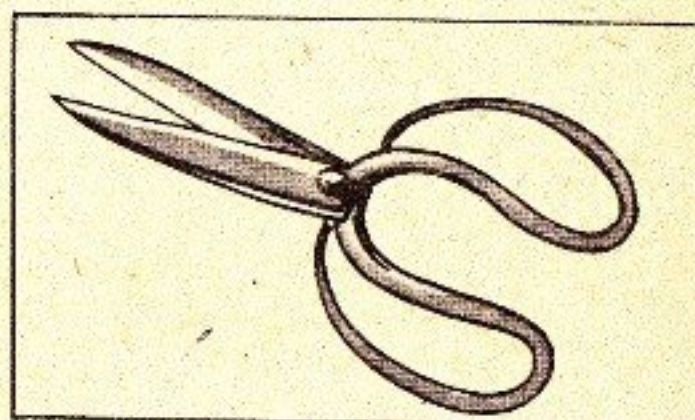
Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta.

ao



con dao
dao
ao

eo



cái kéo
kéo
eo

thuongmaitruongxua.vn

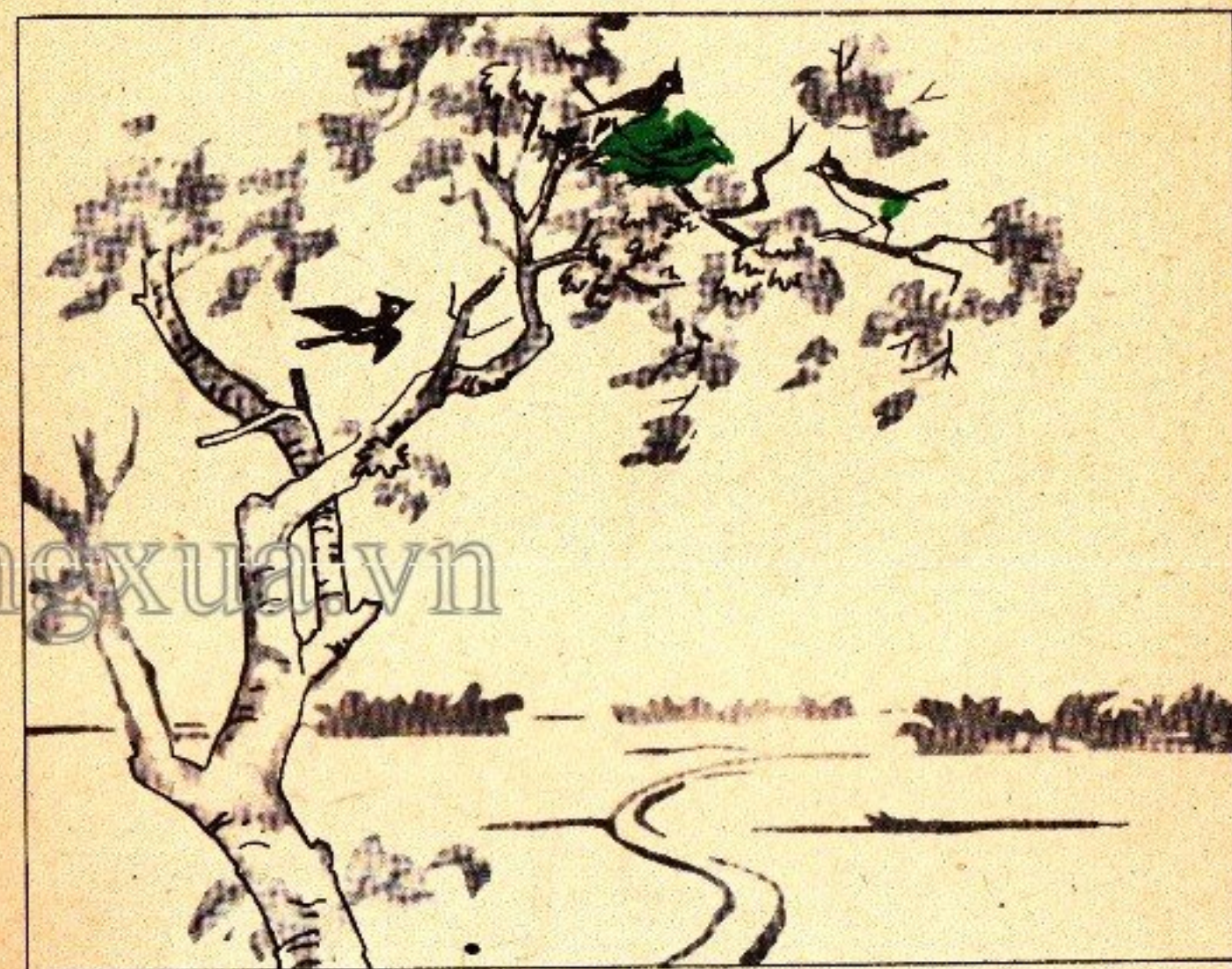


ao chào cờ
kéo pháo

eo con mèo
heo nái (lợn nái)



ao dao, eo kéo



Bầy chim chào mào
Xây tổ trên cao
Gió về nhẹ thổi
Lao xao, lao xao!

êu



cái lều
lều

thuongmaitruongxua.vn

● êu gôi. thêu
khêu đèn
mèo kêu meo meo

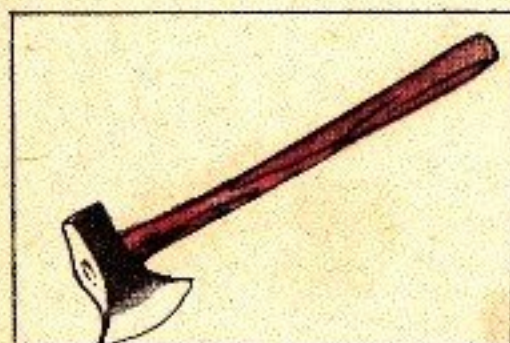


êu cái lều



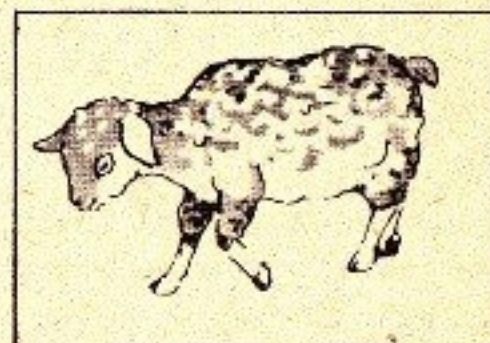
🏠 Đàn sêu bay, đàn sêu bay,
Bay đi đâu cả tôi ngày sêu ơ?

iu



cái **rìu**
rìu
iu

ưư



con **cừu**
cừu
ưư

thuongmaitruongxua.vn

iu

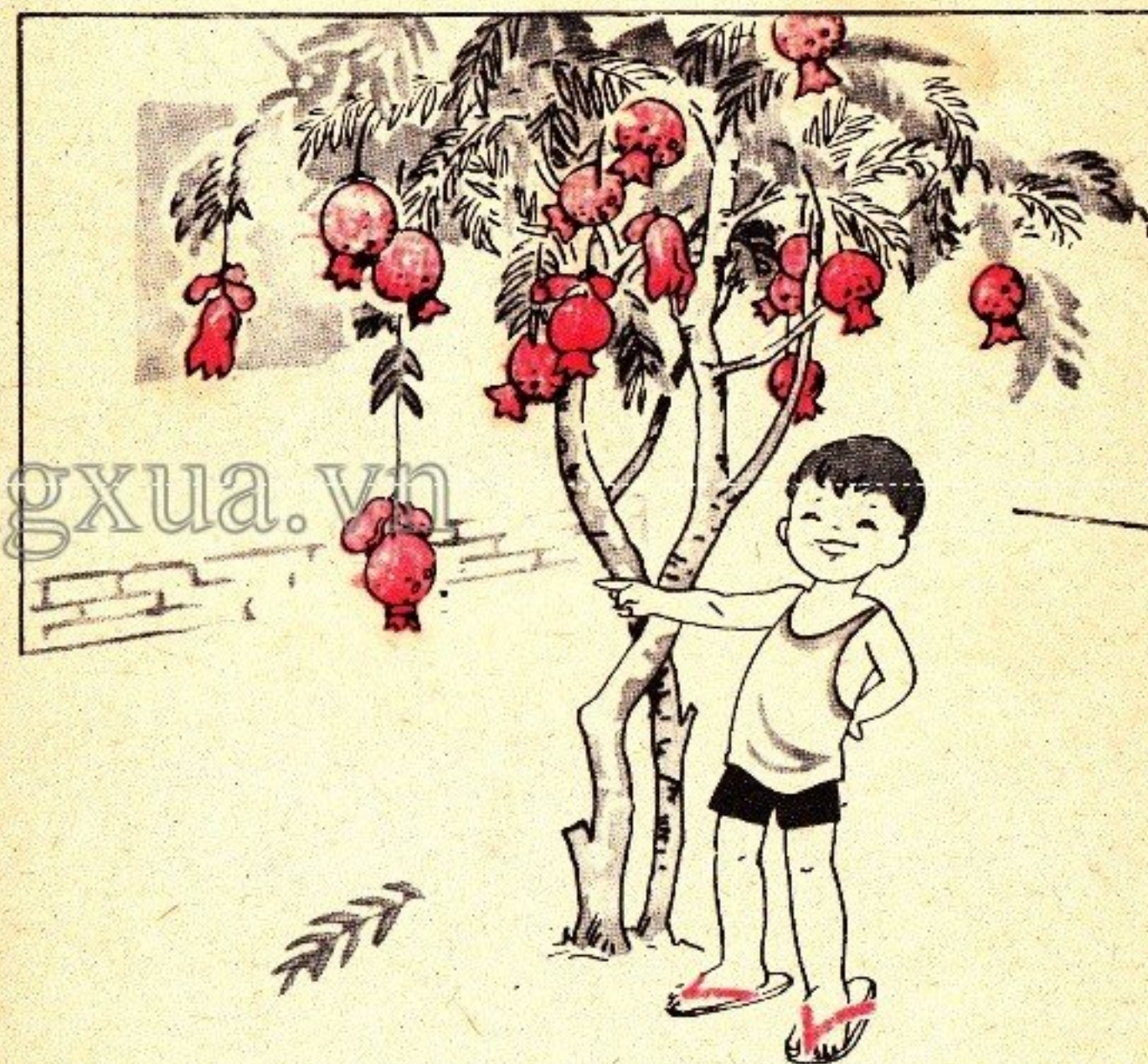
bé **xíu**
gió **hiu** **hiu**

ưư

cây **lựu**
lá ngải **cứu**



iu rìu, ưư cừu



Đầu nhà cây **lựu** sai **trìu** quả.

Bài 64

Ôn những vần đã học có **o, u** ở cuối

Vần			Tiếng, từ
1. ao	a	o	con cá o
2. eo	e		cái k é o
3. au	a	u	quả c á u
4. âu	â		cần c ầ u
5. êu	ê	u	gỏi th ê u
6. iu	i		cái r i u
7. ưu	ư		cây l ư u



ao eo, au âu, êu iu ưu



Đêm hè trời đầy sao
Bé nằm ngủ thiu thiu
Lá cây reo rì rào
Như ru cho bé ngủ.

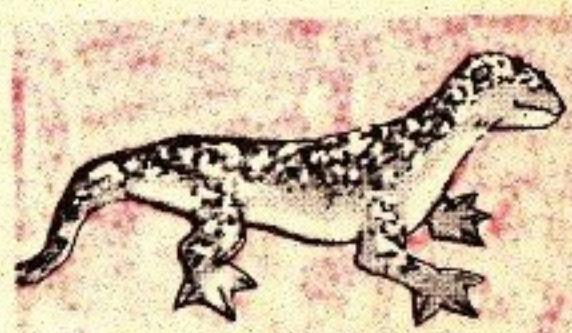
ac



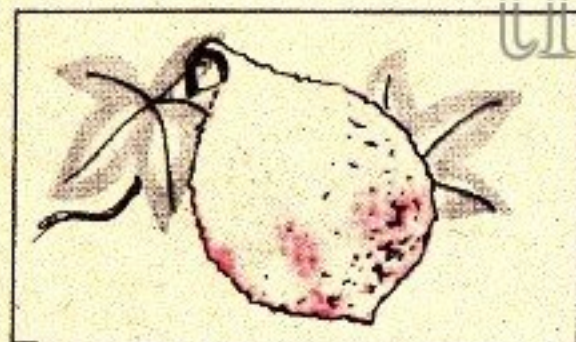
củ **lạc**
lạc
ac

ăc

con **tắc** kè
tắc
ắc



âc



quả **gác**
gác
âc



ac bản nh**ạc**
nhà g**ác**

ăc

dao s**ắc**
cái m**ắc** áo

âc

b**ắc** đèn
gi**ấc** ngủ



ac lạc, ăc tắc kè

âc gác



M**ặc** gió núi đèo cao
Quân đi như th**ác** chảy.

OC



con **sóc**
sóc
oc

ÔC



vỏ **ôc**
ôc
ôc

thuongmaitruongxua.vn

OC

con **cóc**
cá **lóc** (cá quả)

ÔC

gió **lộc**
gộc cây



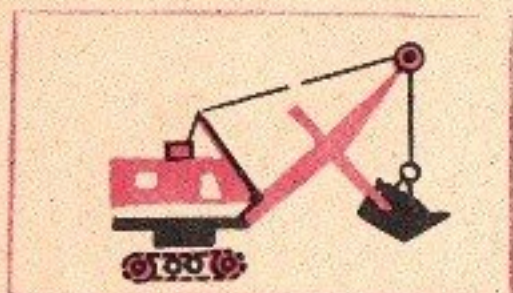
OC **sóc**, **ôc** **vỏ ôc**



Cốc, cốc, cốc!

- Ai gọi đó?
- Tôi là thỏ.
- Nếu là thỏ
Cho xem tai.

úc



máy **xúc**
xúc
úc

ực



lọ **mực**
mực
ực

thuongmaitruongxua.vn

úc cái **đục**
cần **trục**

ực thức ăn
thơm **phức**



úc xúc

ực mực



Thu về **cúc** nở, **sực** **nức** mùi thơm.

Bài 68

Ôn những vần đã học có **c** ở cuối*

Vần			Tiếng, từ
1. ac	a	c	con vạ c
2. ăc	ă		chè đặ c
3. âc	â		xôi gắ c
4. oc	o	c	con cắ c
5. ôc	ô		vỏ ố c
6. uc	u	c	cá nặ c
7. ưc	ư		thơm phứ c

* Vần ec rất ít gặp, không dạy để trẻ bớt khó khăn.



ac ăc âc, oc ôc, uc ưc



Nhớ lời **Bác** dạy :
Chăm **học**, chăm làm
Bố mẹ đều khen
Thầy cô vui vẻ.

at

ăt

ât



bãi cát
cát
at

chim cắt
cắt
ăt

đôi tất
tất
ât

thuongmaitruongxua.vn



at

bài hát
gió mát

ăt

gặt hái
khăn mặt

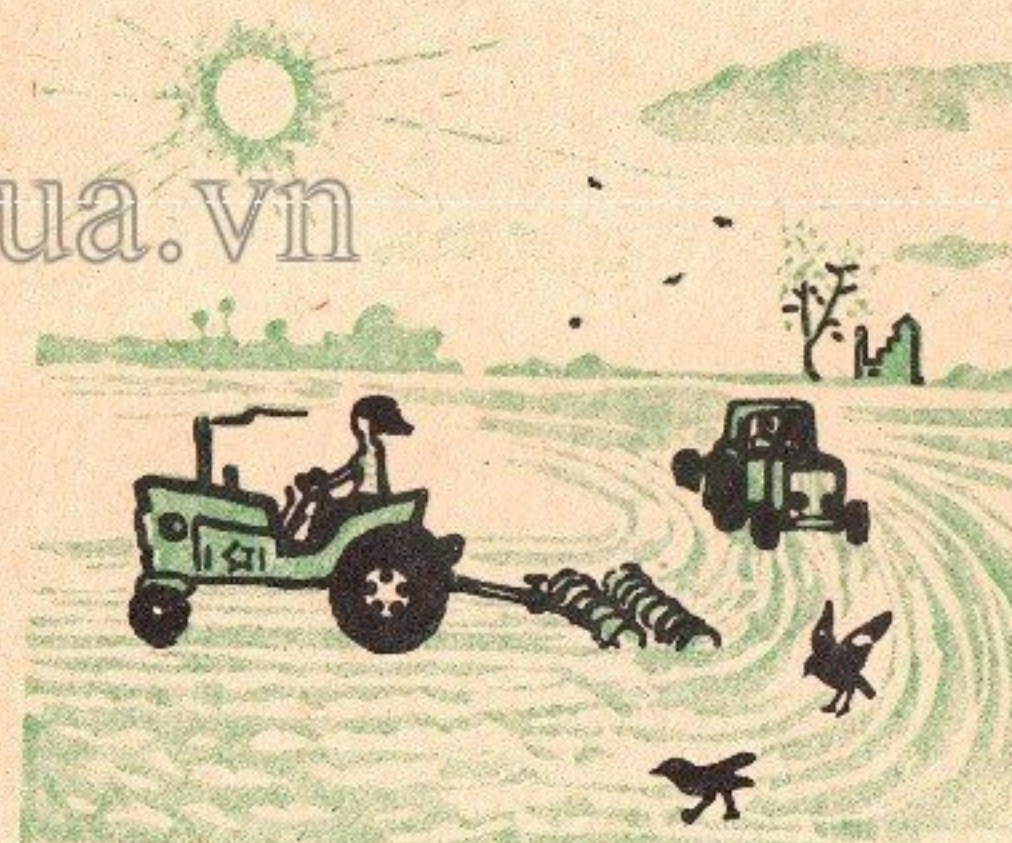
ât

thật thà
trật tự



at cát, ăt cắt

ât tất



Mặt trời lên âm đất quê ta
Thôn xóm vui cấy cày gặt hái.

ot



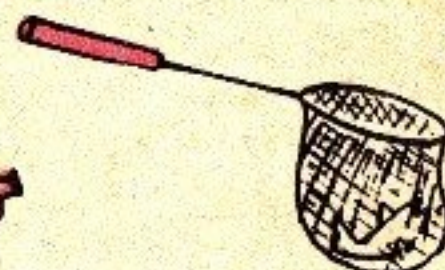
cái sọt
sọt
ot

ôt



củ cà rô
rô
ôt

ơt



cái vọt
vọt
ơt

thuongmaitruongxua.vn



ot

tầm cọt
chim hót líu lo

ôt

lá lốt
bạn tốt

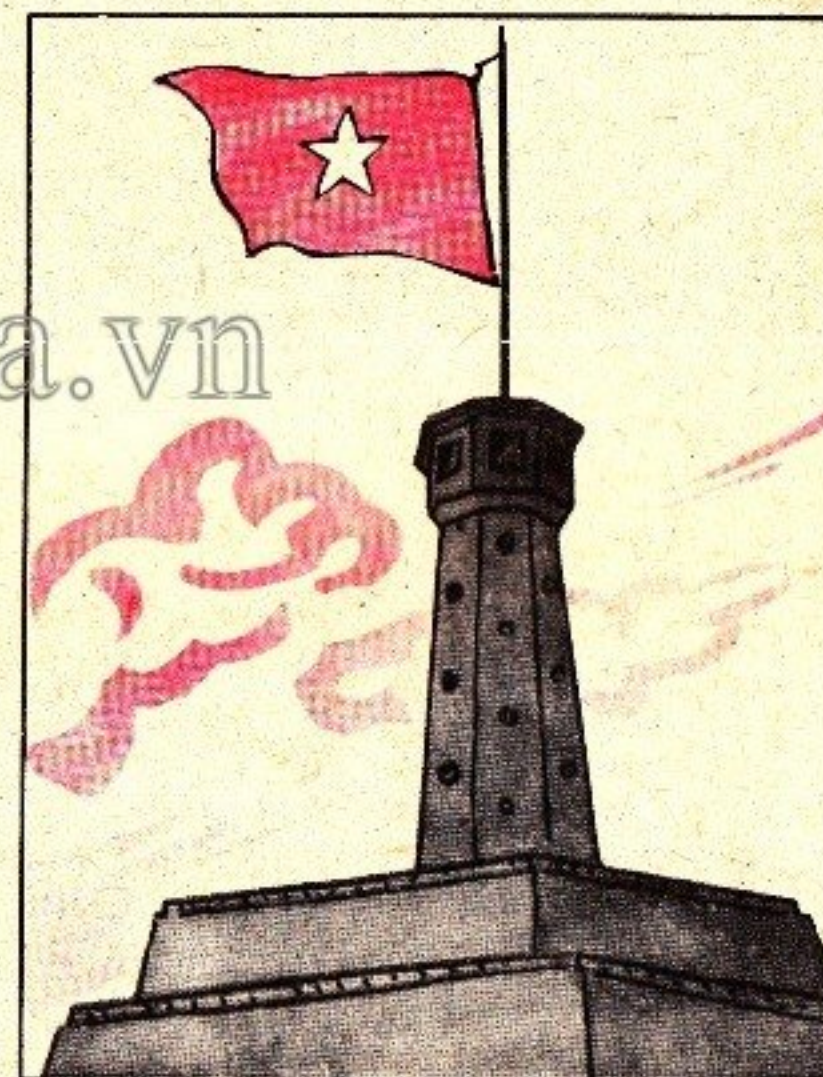
ơt

quả ơt
cái thớt



ot sọt, ôt rôt

ot vọt



Cột cờ cao chót vót
Phần phật lá cờ bay.

et



con vẹt
vẹt
et

êt



bồ kết
kết
êt

it



con vịt
vịt
it

et

sấm sét
pháo nổ dĩ dẹt

êt

con rết
nhà máy dệt

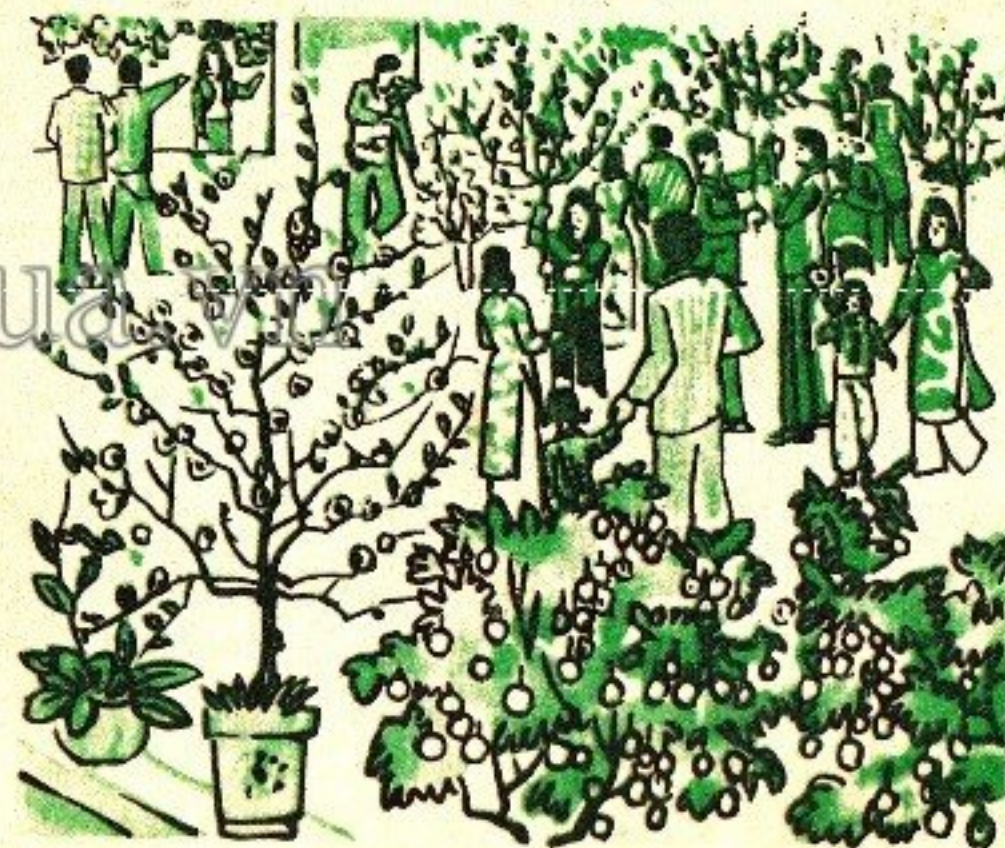
it

quả mít
con nít



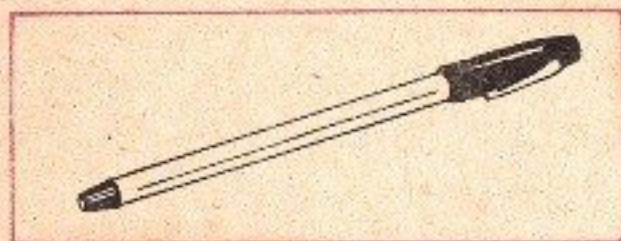
et vẹt, êt bồ kết

it vịt



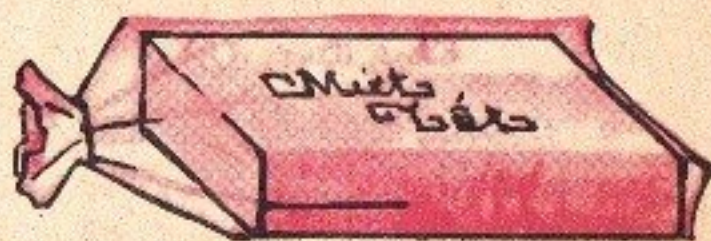
Trời ren rét
Tết đến rồi
Đào, mai nở
Thật là vui...

ut



bút bi
bút
ut

ut



mứt tết
mứt
ut

thuongmaitruongxua.vn

ut chăm chút
gió hun hút

ut bút lá
đứt dây



ut bút, ut mứt



Mẹ cho cây bút
Em vẽ con tàu
Lao đi vùn vụt.

Bài 73

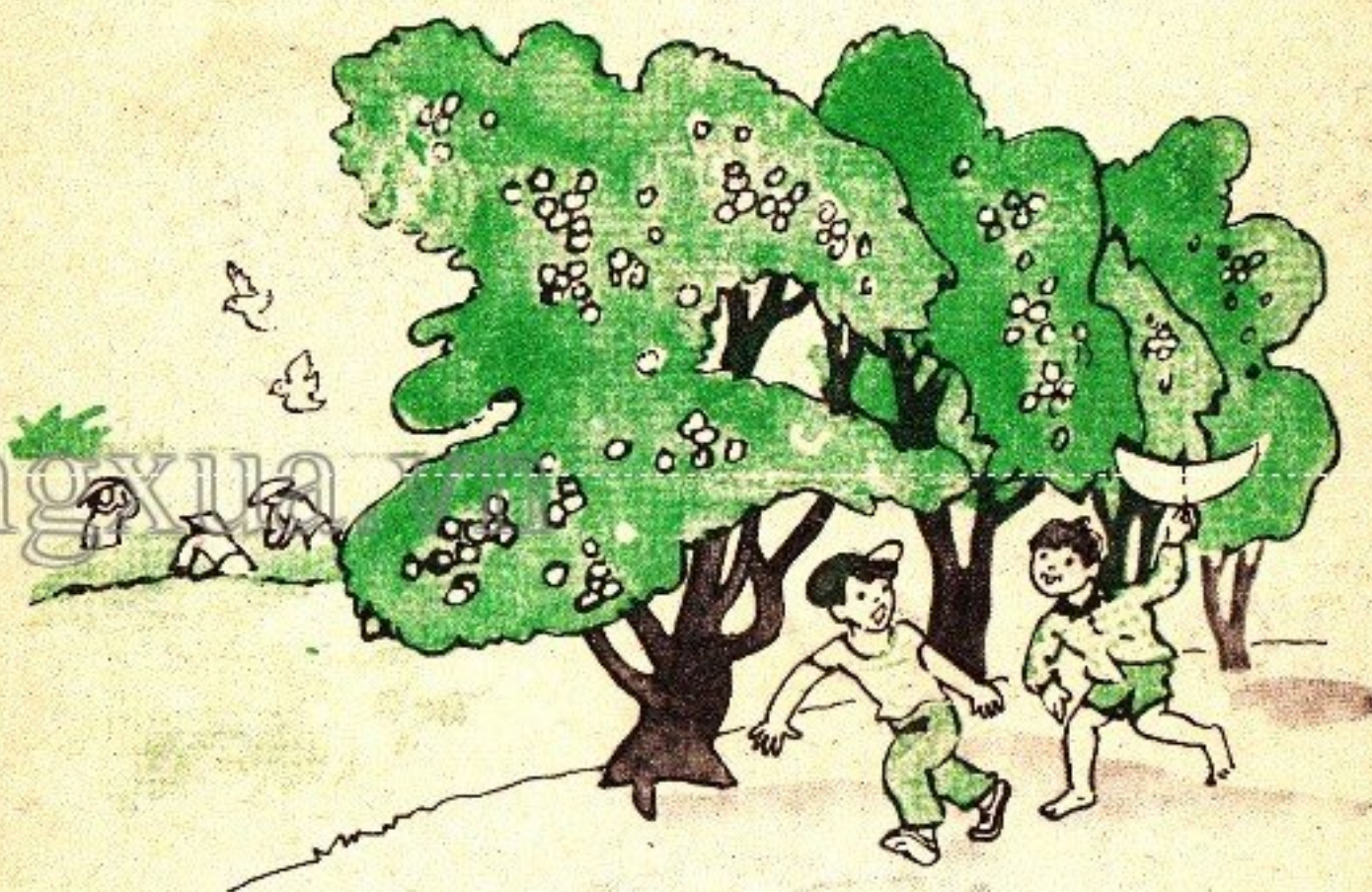
Ôn những vần đã học có **t** ở cuối

Vần			Tiếng, từ
1.	at	a	bài hát
2.	ăt	ă	đôi mắt
3.	ât	â	quả dât
4.	ot	o	cái sọt
5.	ôt	ô	lô lô
6.	ơt	ơ	quả ơt
7.	et	e	con vệt
8.	êt	ê	ngày têt
9.	it	i	quả mít
10.	ut	u	ngòi bút
11.	ưt	ư	gói mứt



at ăt ât, ot ôt ơt

et êt it, ut ưt



Mỗi tác dât
Thâm bao giọt mồ hôi
Cho quả ngọt trái sai
Cho bát cơm thơm bùi
Cho em vui ca hát.

ap



xe **đap**
đap
ap

ăp

cải **bấp**
bấp
ăp



âp



cá **mập**
mập
âp

ap

rạp hát
giây nh**áp**

ăp

c**ấp** c**ặp**
đầy **ấp**

âp

độc l**ập**
t**ập** n**ập**



ap đap, ăp bắp

âp mận



"Rầm r**ập**

rầm rầm r**ập**!"

Ta d**ập**

cho thật đều

Nào bạn

nhắc chân cao

Hãy vào

vui nhẩy s**ạp**.

op



con c^op
c^op
op

ôp

t^op ca
t^op
ôp



ơp



sâm ch^op
ch^op
ơp



op ch^op nón
h^op lớp

ôp

đất x^op
h^op bút

ơp

h^op tác xã
l^op nhà



on c^on, ôp t^on ca

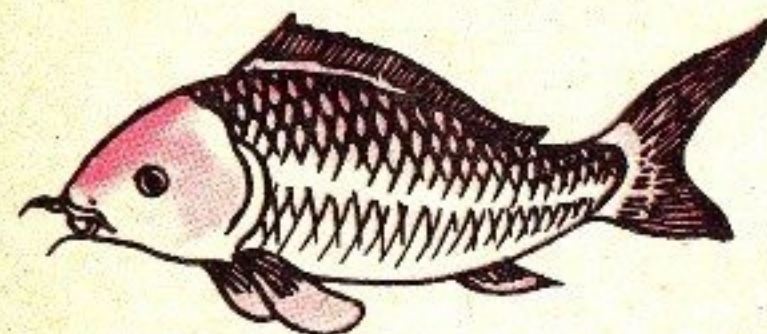
on ch^on



Bé ơi! Bé dậy
Đến l^op Mầm non
Con trâu tai vầy
Con gà mào son
Đều đi cả rồi
Bé ơi mau dậy!



ep



cá **chép**
chép
ep

êp



đèn **xếp**
xếp
êp

thuongmaitruongxua.vn

ep

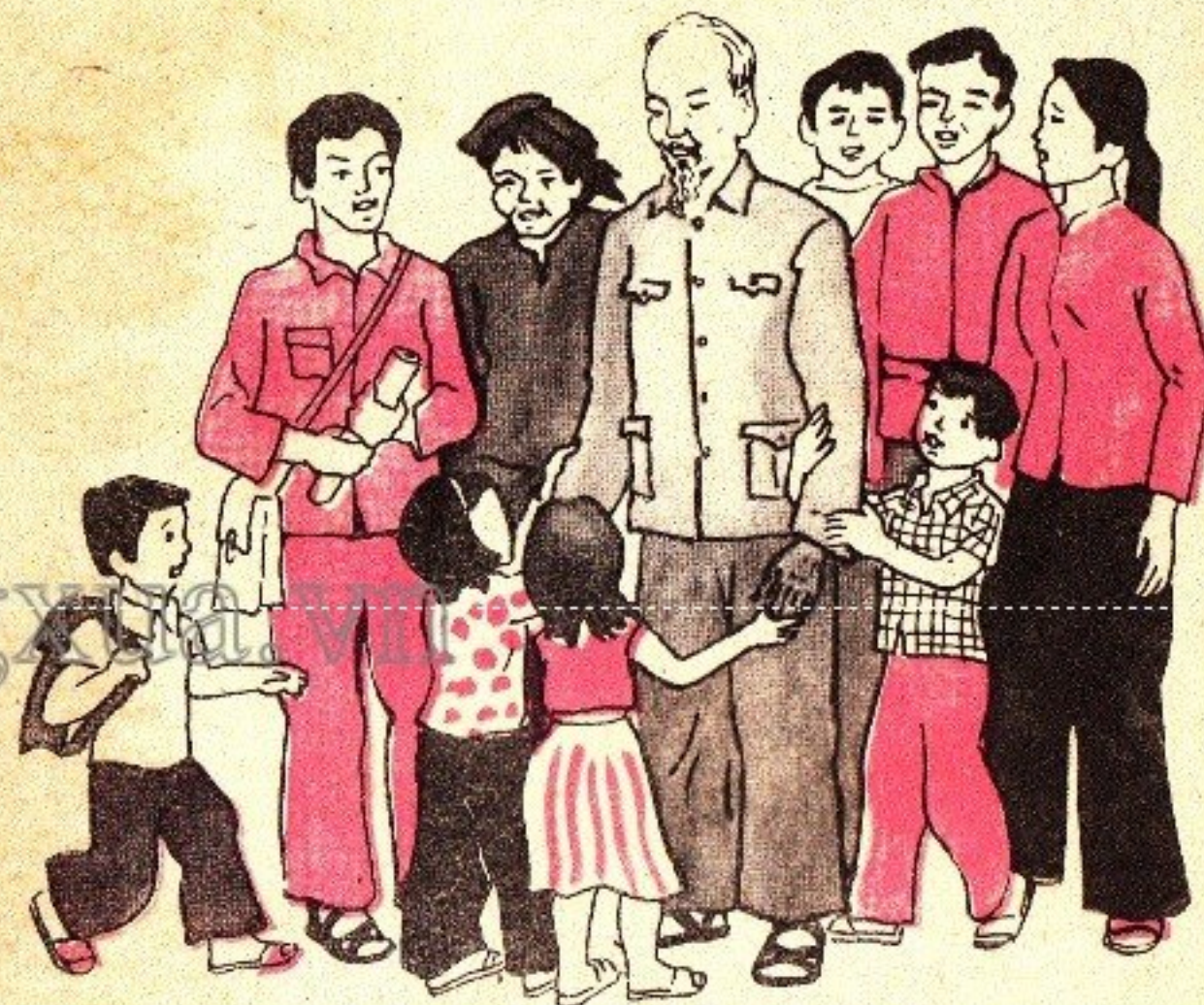
đôi **dép**
pháo **tép**

êp

bếp lò
gạo **nếp**

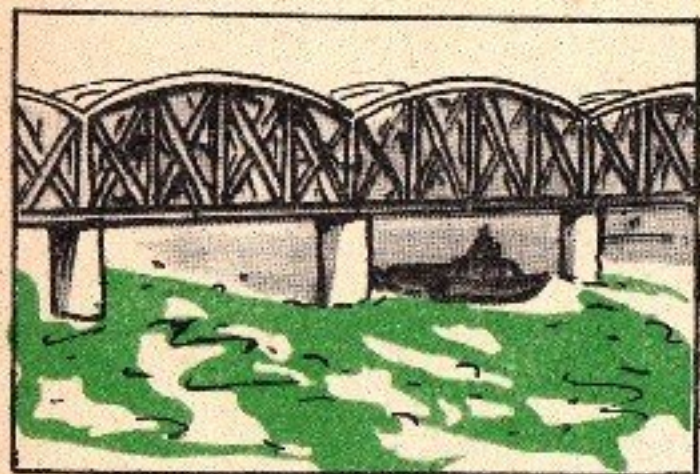


ep chép, êp xếp



Đôi **dép** đơn sơ,
"Đôi **dép** Bác Hồ",
Đã đi khắp nẻo quê nhà, Bác ơi!

ip



nhịp cầu
nhịp
ip

up



búp sen
búp
úp

thuongmaitruongxua

ip

ca kíp
chim bìm bíp

up

chụp đèn
lợn béo múp míp



ip nhíp, up búp



Búp sen nhỏ
Bên bờ ao
Như tay bé
Vẫy trời cao.

Bài 78

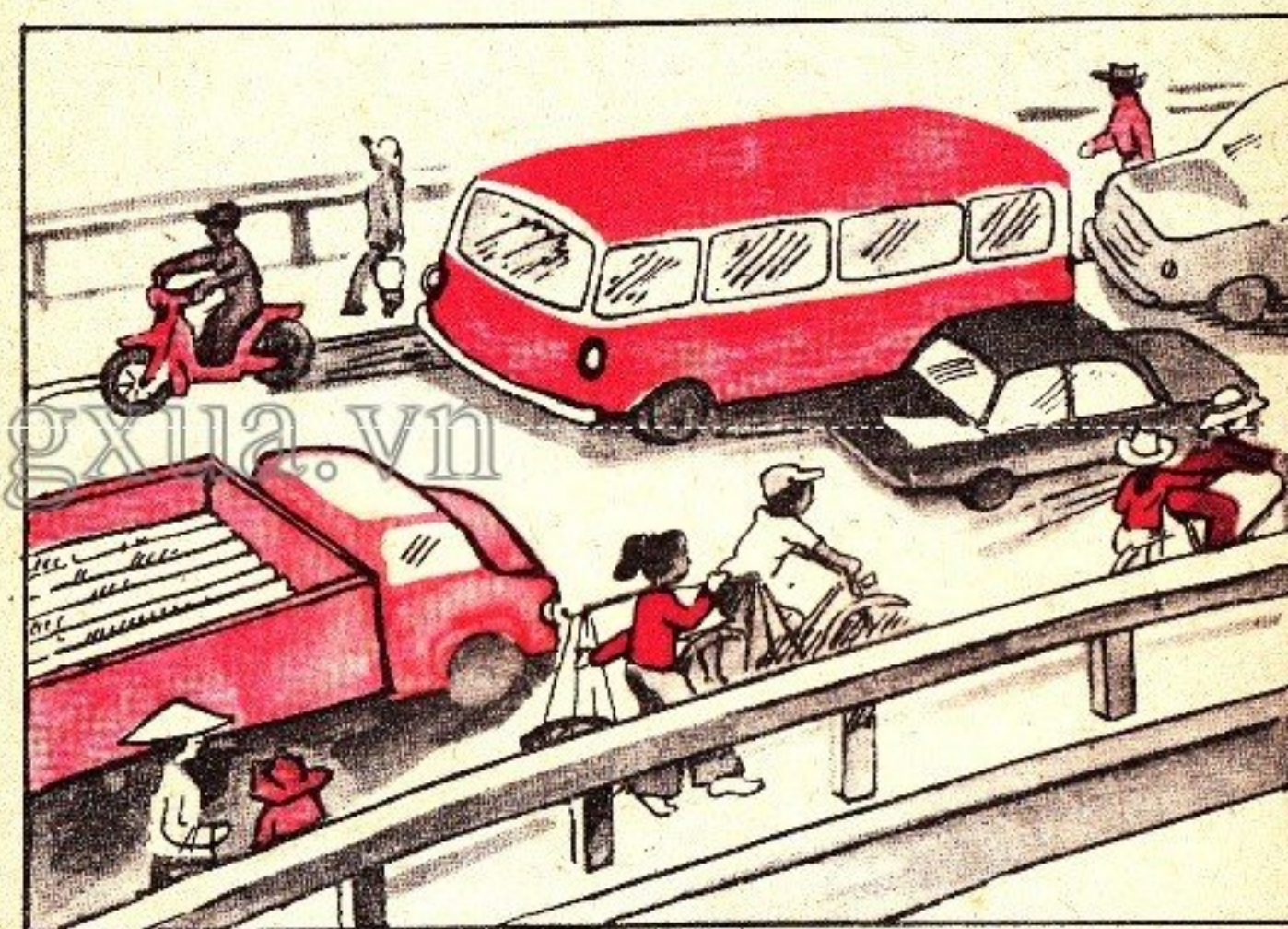
Ôn những vần đã học có **p** ở cuối

Vần			Tiếng, từ
1. ap	a	p	xe đ ạ p
2. ăp	ă		cải b ắ p
3. âp	â		cá m ậ p
4. op	o	p	con c ọ p
5. ôp	ô		cái h ộ p
6. ơp	ơ		l ớ p học
7. ep	e	p	đôi d é p
8. êp	ê		đèn x ê p
9. ip	i	p	dao d íp
10. up	u		chè b ú p



ap ăp âp, op ôn ơp

ep êp, ip up



Xe cộ t**ập** n**ậ**p qua cầu. Mấy bác đi xe đ**ạ**p la: "Ê**p** ê**p**!". Xe tải chở sắt th**ép** bầm còi: "P**íp** p**íp**!".

Bài 79

Ôn tập cuối học kì I
NHÓM VẦN ĐÃ HỌC

	n	m	c	t	p	i-y	o-u
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a	an	am	ac	at	ap	ai - ay	ao - au
ă	ăn	ăm	ăc	ăt	ăp		
â	ân	âm	âc	ât	âp	ây	âu
o	on	om	oc	ot	op	oi	
ô	ôn	ôm	ôc	ôt	ôp	ôi	
ơ	ơn	ơm		ơt	ơp	ơi	
e	en	em		et	ep		eo
ê	ên	êm		êt	êp		êu
i	in	im		it	ip		iu
u	un	um	uc	ut	up	ui	
ư			ưc	ưt		ưi	ưư

Bài 80

Ôn tập cuối học kì I

Tìm tiếng có vần đã học
(theo mẫu)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sàn	cam	lạc	bát	đạp	vải-bay	dao-cau
sắn	tầm	sắc	cắt	bắp		
cân	tầm	gác	tắt	mập	mây	trâu
ngọn	xóm	cóc	sọt	cọp	voi	
thôn	tôm	ốc	tốt	hộp	nôi	



Đố em

Con gì ăn no
Má to mắt híp,
Mồm kêu ụt ịt,
Nằm thở phì phò ?

BẢNG CHỮ CÁI

(Kiểu chữ in)

Thứ tự	Chữ cái		Tên chữ cái	Ghi âm	Thứ tự	Chữ cái		Tên chữ cái	Ghi âm
	In thường	In hoa				In thường	In hoa		
1	a	A	a	a	16	n	N	en-nờ	nờ
2	ă	Ă	á	á	17	o	O	o	o
3	â	Â	ớ	ớ	18	ô	Ô	ô	ô
4	b	B	bê	bờ	19	ơ	Ơ	ơ	ơ
5	c	C	xê	cờ	20	p	P	pê	pờ
6	d	D	dê	dờ	21	q	Q	cu	cờ
7	đ	Đ	đê	đờ	22	r	R	e-rờ	rờ
8	e	E	e	e	23	s	S	ét-sì	sờ
9	ê	Ê	ê	ê	24	t	T	tê	tờ
10	g	G	giê	gờ	25	u	U	u	u
11	h	H	hát	hờ	26	ư	Ư	ư	ư
12	i	I	i ngắn	i	27	v	V	vê	vờ
13	k	K	ca	cờ	28	x	X	ích-xì	xờ
14	l	L	e-lờ	lờ	29	y	Y	l dài	l
15	m	M	em-mờ	mờ					

Bảng gọi tên
các nguyên âm, phụ âm
ghi bằng 2, 3 chữ cái

Chữ ghi âm	Đọc là	Chữ ghi âm	Đọc là
iê	i-ê	th	thờ
yê	i-ê	ph	phờ
uô	u-ô	gh	gờ
ươ	ư-ơ	ng	ngờ
ch	chờ	ngh	ngờ
kh	khờ	tr	trờ
nh	nhờ	gi	giờ

CHÚ Ý

Do yêu cầu sư phạm, đề giáo viên và phụ huynh học sinh thống nhất trong việc dạy và giúp trẻ em bắt đầu học đọc, học viết, quy ước dạy ở lớp Một như sau:

1. Giáo viên dùng tên âm là chủ yếu để dạy trên lớp. Chưa đòi hỏi trẻ phải phân biệt rõ tên âm và tên chữ cái.

2. Để trẻ em dễ phân biệt, một số âm có nhiều cách ghi được đọc riêng như sau: **c** (đọc là « cờ »), **k** (ca), **q** (cu), **d** (dờ), **gi** (di), **i** (i ngắn), **y** (i dài), **g** (gờ đơn), **gh** (gờ kép), **ng** (ngờ đơn), **nh** (ngờ kép).

Sách có dạy tổ hợp âm ghi bằng hai chữ cái: **qu** — đọc là « quờ ». Khi ghép vần có một số « ngoại lệ » sẽ nói rõ trong sách giáo viên.

3. Có một số nguyên âm đôi được dạy như một vần để trẻ em đỡ gặp khó khăn, ví dụ: **ia** (đánh vần: « i-a-ia », đọc vần: « ia »); tương tự như vậy còn có các vần **ua**, **ư** (ở sách tập 2).

Cách đánh vần và đọc trơn (vần — tiếng) thống nhất như sau:

Ví dụ: Đánh vần vần **an**: a-nờ-an — Đọc trơn: an.
Đánh vần tiếng **sàn**: sờ-an-san huyền sàn — Đọc trơn: sàn.

MỤC LỤC

Phần CHỮ CÁI và ÂM

Bài	Trang	Bài	Trang
1. o	6	21. r	26
2. c	7	22. Ôn tập	27
3. a	8	23. x	28
4. Dấu huyền - Dấu sắc	9	24. s	29
5. d đ	10	25. g gh	30
6. Dấu hỏi - Dấu ngã		26. gi	31
Dấu nặng	11	27. Ôn tập	32
7. Ôn tập	12	28. ng	33
8. ô ơ	13	29. nh	34
9. e ê	14	30. th	35
10. i í	15	31. Ôn tập	36
11. Ôn tập	16	32. ch	37
12. n m	17	33. tr	38
13. u ư	18	34. q qu	39
14. y	19	35. p ph	40
15. l	20	36. Ôn tập	41
16. b	21	37. Ôn tập	42
17. Ôn tập	22	38. Ôn tập	43
18. v	23	39. Ôn tập	44
19. h	24	40. Ôn tập	45
20. k kh	25	41. Giới thiệu chữ hoa	46

Phần VẦN

Bài	Trang	Bài	Trang
42. an	47	45. on ôn ơn	50
43. ă - ản	48	46. en ên	52
44. â - ân	49	47. in un	54

Bài		Trang	Bài		Trang
48.	Ôn tập	56	65.	ac ăc âc	90
49.	am	58	66.	oc ôc	92
50.	ăm âm	60	67.	uc ưc	94
51.	om ôm ơm	62	68.	Ôn tập	96
52.	em êm	64	69.	at ăt ăt	98
53.	im um	66	70.	ot ôt ơt	100
54.	Ôn tập	68	71.	et êt یت	102
55.	ai	70	72.	ut ưt	104
56.	ay ây	72	73.	Ôn tập	106
57.	oi ôi ơi	74	74.	ap ăp ăp	108
58.	ui ưi	76	75.	op ôp ơp	110
59.	Ôn tập	78	76.	ep êp	112
60.	ao eo	80	77.	ip up	114
61.	au âu	82	78.	Ôn tập	116
62.	êu	84	79.	Ôn tập cuối học kì I	118
63.	iu ưu	86	80.	Ôn tập cuối học kì I	119
64.	Ôn tập	88		Phụ lục	120

thuongmaitruongxua.vn